



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Đợt 2 năm 2026

(Theo QĐ số 6.58/QĐ-CDCT ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng công thương TPHCM)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Công nghệ chế tạo máy									
Lớp: Công nghệ chế tạo máy A									
1	2121040010	Vũ Đình	Quân	Nam	10/09/2002	Thanh Hóa	105	7,48	Khá
2	2122040007	Võ Trường	Chiến	Nam	19/11/2004	Gia Lai	105	6,47	Khá
3	2122040031	Lê Công	Đại	Nam	19/08/2004	Gia Lai	105	7,24	Khá
4	2122040011	Võ Sĩ	Diễn	Nam	09/06/2004	Tây Ninh	105	8,09	Giỏi
5	2122040035	Lương Đại	Hung	Nam	03/03/2004	Vĩnh Long	106	6,89	Khá
6	2122040019	Phạm Vũ	Thắng	Nam	11/10/2004	Quảng Ngãi	106	7,84	Khá
7	2123040030	Trần Hải	Đăng	Nam	17/04/2005	Lâm Đồng	100	7,79	Khá
8	2123040003	Trần Hoàng	Danh	Nam	24/04/2005	Tây Ninh	100	7,83	Khá
9	2123040014	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	22/11/2005	Khánh Hòa	100	7,87	Khá
10	2123040007	Phạm Thành	Phát	Nam	10/08/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,14	Khá
11	2123040012	Trần Nhật	Tài	Nam	26/03/2005	Thành phố Huế	100	8,24	Giỏi
12	2123040004	Bùi Thanh	Tân	Nam	02/10/2005	Tây Ninh	100	7,41	Khá
13	2123040021	Nguyễn Trương	Tín	Nam	12/02/2005	Gia Lai	100	7,64	Khá
Lớp: Công nghệ chế tạo máy B									
1	2123040044	Hồ Văn	Mạnh	Nam	02/03/2004	Hà Tĩnh	100	7,83	Khá
2	2123040058	Phạm Thành	Tài	Nam	10/08/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,56	Khá
3	2123040068	Nguyễn Quang	Trường	Nam	08/04/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	8,06	Giỏi
4	2123040057	Đỗ Anh	Tuấn	Nam	15/02/2005	Thanh Hóa	100	8,09	Giỏi
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
Lớp: Công nghệ KT cơ điện tử A									
1	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật	Sang	Nam	02/06/2004	Gia Lai	106	6,33	Khá
2	2123140028	Lê Văn	Của	Nam	01/12/2004	Đồng Tháp	100	8,42	Giỏi
3	2123140026	Trần Văn	Đức	Nam	29/07/2005	Lâm Đồng	100	8,12	Giỏi
4	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	Nam	26/05/2005	Đồng Tháp	100	8,49	Giỏi
5	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	Nam	18/01/2005	Gia Lai	101	7,55	Khá
6	2123140023	Lý Văn	Hợp	Nam	16/01/2005	Đồng Nai	100	6,90	Khá
7	2123140020	Trần Văn	Khánh	Nam	06/08/2005	Gia Lai	100	7,74	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
8	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	Nam	18/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,90	Khá
9	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	Nam	07/09/2005	Đồng Tháp	100	6,82	Khá
10	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	Nam	14/06/2005	Đồng Tháp	100	7,70	Khá

Lớp: Công nghệ KT cơ điện tử C

1	2123140092	Trần Như	Bảo	Nam	01/09/2005	Đắk Lắk	100	7,87	Khá
2	2123140089	Võ Đăng	Huy	Nam	28/11/2005	Lâm Đồng	100	8,30	Giỏi
3	2123140094	Lê Xuân Tuấn	Lực	Nam	17/10/2005	Thanh Hóa	100	8,43	Giỏi
4	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	Nam	28/07/2005	Đồng Nai	100	8,41	Giỏi
5	2123140097	Nguyễn Hoài	Vinh	Nam	12/01/2005	Gia Lai	100	7,54	Khá

Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí A

1	2119030022	Trần Thanh	Sang	Nam	03/02/2001	Gia Lai	92	6,84	Khá
2	2121030001	Cao Thành	Niên	Nam	25/03/2003	Đồng Tháp	105	6,98	Khá
3	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	Nam	05/06/2003	Gia Lai	105	7,31	Khá
4	2122030019	Lại Thành	Đăng	Nam	14/12/2003	Tây Ninh	105	6,82	Khá
5	2122030017	Lê Nhựt	Kha	Nam	20/01/2004	Vĩnh Long	105	7,67	Khá
6	2122030015	Lê Văn	Khánh	Nam	02/01/2003	Quảng Trị	105	7,84	Khá
7	2123030006	Trịnh Hoàng Công	Đức	Nam	27/02/2005	Lâm Đồng	102	6,85	Khá
8	2123030011	Trần Nhựt	Long	Nam	08/05/2005	Đồng Tháp	102	7,55	Khá
9	2123030014	Võ Đình	Sơn	Nam	23/07/2005	Gia Lai	102	7,22	Khá
10	2123030028	Trần Thanh	Toàn	Nam	29/07/2004	Đồng Tháp	102	7,36	Khá
11	2123030027	Phạm Thành	Vương	Nam	10/05/2005	Gia Lai	102	7,18	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí B

1	2121030059	Trần Văn	Luận	Nam	03/01/2003	Gia Lai	105	6,95	Khá
2	2122030070	Võ Trần Khánh	Duy	Nam	22/05/2004	Gia Lai	105	7,43	Khá
3	2122030045	Nguyễn Vinh	Khang	Nam	28/08/2004	Vĩnh Long	105	7,32	Khá
4	2123030066	Phạm Văn	Đạt	Nam	07/08/2005	Gia Lai	102	7,81	Khá
5	2123030052	Hồ Sĩ Ngọc	Duy	Nam	18/08/2005	Gia Lai	102	7,20	Khá
6	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	Nam	08/12/2005	Tây Ninh	102	7,31	Khá
7	2123030053	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	02/10/2005	Gia Lai	102	7,00	Khá
8	2123030057	Đặng Văn	Trường	Nam	02/04/2005	Gia Lai	102	7,04	Khá
9	2123030069	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	01/05/2005	Thành phố Huế	102	7,67	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí C

1	2121030097	Mai Tấn	Chiến	Nam	26/03/2002	Gia Lai	105	7,40	Khá
2	2121030164	Nguyễn Văn	Đức	Nam	08/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,48	Khá
3	2121030091	Từ Ngọc	Sơn	Nam	24/03/2003	Nghệ An	105	6,90	Khá
4	2122030092	Vũ Khắc	Duy	Nam	14/11/2004	Lâm Đồng	106	6,86	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
5	2122030099	Nguyễn Đức	Lợi	Nam	03/07/2003	Khánh Hòa	105	7,60	Khá
6	2122030073	Hồ Chánh	Sơn	Nam	23/08/2004	Gia Lai	105	7,06	Khá
7	2123030092	Nguyễn Trương	Hữu	Nam	23/03/2005	Khánh Hòa	100	7,03	Khá
8	2123030101	Nguyễn Duy	Lân	Nam	14/04/2005	Quảng Ngãi	100	8,32	Giỏi
9	2123030088	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	25/09/2005	Gia Lai	100	7,11	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí D

1	2122030131	Lê Thành	Công	Nam	29/07/2004	Gia Lai	105	6,62	Khá
2	2122030241	Lâm Ngọc	Duẩn	Nam	16/02/2004	Khánh Hòa	106	6,62	Khá
3	2123030122	Nguyễn Văn	Định	Nam	17/10/2003	Gia Lai	100	8,05	Giỏi
4	2123030134	Hồ Văn	Dự	Nam	28/10/2005	Lâm Đồng	100	7,53	Khá
5	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	Nam	11/01/2005	Gia Lai	100	8,10	Giỏi
6	2123030210	Phạm	Thái	Nam	11/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,59	Khá
7	2123030133	Hồ Minh	Tiến	Nam	06/09/2005	Gia Lai	100	7,72	Khá
8	2123030138	K'	Tín	Nam	15/09/2005	Lâm Đồng	100	7,42	Khá
9	2123030118	Phạm Quốc	Việt	Nam	04/02/2005	Đồng Nai	100	6,84	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí E

1	2122030168	Trần Chí	Hào	Nam	09/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,07	Khá
2	2122030149	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	01/01/2000	Thành phố Cần Thơ	105	8,20	Giỏi
3	2122030159	Phạm Mạnh	Hùng	Nam	14/11/2002	Đồng Nai	105	6,89	Khá
4	2122030155	Nguyễn Phước	Nghĩa	Nam	02/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,14	Khá
5	2123030164	Trịnh Công	Nam	Nam	06/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	102	8,62	Giỏi
6	2123030162	Trần Khắc	Vin	Nam	05/06/2005	Đắk Lắk	102	8,44	Giỏi

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí F

1	2122030217	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	25/03/2004	Quảng Ngãi	105	6,72	Khá
2	2123030216	Chau Sô	Dinh	Nam	10/12/2004	An Giang	102	7,27	Khá
3	2123030220	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	26/02/2005	Đắk Lắk	102	7,95	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí G

1	2123030230	Nguyễn Văn	Cường	Nam	10/07/2005	Ninh Bình	100	8,36	Giỏi
2	2123030225	Phan Trung	Hậu	Nam	12/07/2005	Tây Ninh	100	7,89	Khá
3	2123030240	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	17/02/2005	Đồng Nai	102	8,23	Giỏi
4	2123030234	Nông Duy	Khánh	Nam	04/02/2005	Đắk Lắk	100	7,96	Khá
5	2123030233	Nguyễn Trương Gia	Kiệt	Nam	29/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,84	Khá
6	2123030239	Lê Minh	Luân	Nam	01/12/2005	Vĩnh Long	102	8,50	Giỏi
7	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	Nam	23/08/2005	Đắk Lắk	100	7,79	Khá
8	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	Nam	13/08/2005	Lâm Đồng	100	7,58	Khá
9	2123030229	Trương Minh	Trí	Nam	14/04/2005	Đồng Nai	100	7,18	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí H

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2122170296	Phạm Quốc	Hữu	Nam	22/10/2004	An Giang	106	7,28	Khá
2	2122030138	Nguyễn Duy	Phước	Nam	02/12/2004	Khánh Hòa	105	6,89	Khá
3	2122030110	Đoàn Lê Thiên	Triết	Nam	22/08/2004	Gia Lai	105	6,97	Khá

Công nghệ kỹ thuật ô tô

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô A

1	2120170013	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	01/02/2002	Tây Ninh	92	7,09	Khá
2	2122170025	Lê Văn	Nam	Nam	20/10/2004	Lâm Đồng	105	6,89	Khá
3	2122170021	Lưu Nguyễn Trung	Trí	Nam	29/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,10	Khá
4	2122170018	Huỳnh Ngọc Anh	Vũ	Nam	24/11/2004	Lâm Đồng	105	7,28	Khá
5	2123170006	Nguyễn Duy	Danh	Nam	30/09/2002	Tây Ninh	100	7,58	Khá
6	2123170033	Nguyễn Thái Hoàng	Long	Nam	25/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,92	Khá
7	2123170009	Phùng Ngọc	Lượng	Nam	15/09/2004	Lâm Đồng	100	6,74	Khá
8	2123170014	Đặng Lê Minh	Nhật	Nam	22/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,29	Khá
9	2123170008	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	31/07/2004	Tây Ninh	100	7,71	Khá
10	2123170015	Nguyễn Văn	Trường	Nam	09/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,83	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô B

1	2122170054	Thăng Huy	Hoàng	Nam	09/05/2004	Đồng Nai	105	6,90	Khá
2	2122170043	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	02/07/2004	Lâm Đồng	105	7,33	Khá
3	2122170057	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	03/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,92	Khá
4	2122170042	Dương Văn	Lợi	Nam	17/01/2004	Đồng Nai	105	7,33	Khá
5	2122170050	Nguyễn Văn	Trâm	Nam	16/12/2004	Đắk Lắk	105	6,48	Khá
6	2123170036	Võ Duy	Bảo	Nam	12/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,48	Khá
7	2123170443	Lê Trần Dương	Khang	Nam	08/11/2005	Gia Lai	100	6,97	Khá
8	2123170037	Lê Trọng	Nghĩa	Nam	14/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,75	Khá
9	2123170055	Bùi Thái	Nguyên	Nam	29/11/2005	Đồng Nai	100	7,54	Khá
10	2123170040	Nguyễn Đức	Sự	Nam	02/04/2005	Lâm Đồng	100	7,96	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô C

1	2123170458	Đinh Công	Thanh	Nam	16/09/2005	Lâm Đồng	100	7,66	Khá
---	------------	-----------	-------	-----	------------	----------	-----	------	-----

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô Chất lượng cao

1	2120170634	Tô Quốc	Cường	Nam	24/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,55	Khá
---	------------	---------	-------	-----	------------	-----------------------	----	------	-----

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô Chất lượng cao

1	2119170423	Ngô Thành	Phú	Nam	09/04/2001	Đồng Nai	90	7,00	Khá
---	------------	-----------	-----	-----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC lớp B

1	2122170818	Lê Hữu	Chinh	Nam	18/02/2004	Quảng Trị	105	7,04	Khá
2	2122170762	Quách Đình	Độ	Nam	26/05/2004	Đồng Nai	105	6,75	Khá
3	2122170784	Phạm Quang	Hiếu	Nam	17/04/2004	Lâm Đồng	105	7,18	Khá
4	2122170817	Võ Thành	Nhân	Nam	01/10/2003	Tây Ninh	105	7,54	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC lớp C									
1	2122170781	Trần Anh	Tiến	Nam	05/10/2004	Đồng Nai	105	6,92	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô D									
1	2121170127	Hồ Phú	Đông	Nam	28/02/2003	Vĩnh Long	92	6,97	Khá
2	2122170139	Nông Ngọc	Phú	Nam	10/01/2004	Lâm Đồng	105	7,15	Khá
3	2122170159	Lê Thanh	Sang	Nam	20/06/2004	Lâm Đồng	105	7,01	Khá
4	2122170152	Đinh Thế	Sơn	Nam	09/11/2004	Quảng Trị	105	7,07	Khá
5	2123170472	Trịnh Chí	Hương	Nam	26/09/2005	Gia Lai	100	7,92	Khá
6	2123170469	Nguyễn Tuấn	Khôi	Nam	18/09/2005	An Giang	100	7,67	Khá
7	2123170124	Trần Tấn	Minh	Nam	07/01/2005	Lâm Đồng	100	7,27	Khá
8	2123170107	Nguyễn Minh	Thành	Nam	28/12/2004	Cà Mau	100	7,65	Khá
9	2123170482	Nguyễn Trung	Tín	Nam	28/02/2005	Gia Lai	100	7,30	Khá
10	2123170480	Nguyễn Thanh	Trà	Nam	03/10/2003	Lâm Đồng	100	7,47	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô E									
1	2122170169	Lê Văn	Duy	Nam	01/01/2004	Quảng Ngãi	105	7,43	Khá
2	2122170183	Đinh Văn	Hải	Nam	27/05/2004	Quảng Ngãi	105	7,41	Khá
3	2122170180	Nguyễn Ngọc	Hân	Nam	23/06/2003	Quảng Ngãi	105	7,29	Khá
4	2122170177	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	11/06/2004	Đồng Tháp	105	7,27	Khá
5	2122170182	Trần Kim	Phi	Nam	26/07/2004	Quảng Ngãi	105	7,21	Khá
6	2122170192	Phan Văn	Tài	Nam	08/09/2004	Lâm Đồng	105	6,69	Khá
7	2123170161	Bùi Văn Tấn	Phát	Nam	10/07/2005	Đồng Tháp	100	7,65	Khá
8	2123170144	Nguyễn Thiện	Tâm	Nam	27/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,38	Khá
9	2123170505	Võ Thiện	Vương	Nam	06/11/2005	Gia Lai	100	7,57	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô F									
1	2121170185	Bùi Minh	Nhật	Nam	13/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	94	6,73	Khá
2	2122170232	Đào Hữu	An	Nam	03/03/1998	An Giang	105	7,42	Khá
3	2122170233	Dương Nhật	Hào	Nam	05/10/2004	Đồng Nai	105	7,09	Khá
4	2122170242	Võ Hoài	Nam	Nam	26/03/2004	Gia Lai	105	6,94	Khá
5	2122170230	Trần Minh	Nhật	Nam	24/04/2004	Đồng Nai	105	6,98	Khá
6	2122170202	Trần Quang	Phú	Nam	30/06/2004	Gia Lai	105	6,79	Khá
7	2122170205	Nguyễn Văn	Trường	Nam	10/07/2004	Khánh Hòa	105	6,77	Khá
8	2123170522	Hồ Ngọc	Chung	Nam	30/03/2005	Gia Lai	100	7,04	Khá
9	2123170203	Nguyễn	Đông	Nam	11/07/2005	Khánh Hòa	100	7,82	Khá
10	2123170193	Đặng Đức	Huy	Nam	02/05/2005	Đồng Tháp	100	7,57	Khá
11	2123170179	Kiều Tuấn	Huy	Nam	11/05/2005	Vĩnh Long	100	7,03	Khá
12	2123170188	Lê Chí	Tài	Nam	06/04/2005	Đồng Nai	100	7,43	Khá
13	2123170201	Võ Duy	Thanh	Nam	16/09/2005	Vĩnh Long	100	7,15	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô G									
1	2121170221	Tôn Thất	Lộc	Nam	26/02/2003	Đồng Nai	93	6,72	Khá
2	2121170245	Nguyễn Duy	Niên	Nam	05/08/2003	Đắk Lắk	93	6,58	Khá
3	2122170248	Lâm Quang	Diễn	Nam	20/12/2004	thành phố Hồ Chí Minh	105	6,79	Khá
4	2122170269	Đoàn Văn	Thức	Nam	21/12/2004	Quảng Ngãi	105	7,14	Khá
5	2123170213	Nguyễn Duy	Anh	Nam	13/10/2005	Lâm Đồng	100	7,51	Khá
6	2123170240	Lê Hữu Anh	Duy	Nam	17/10/2005	Đắk Lắk	100	6,44	Khá
7	2123170214	Lão Văn	Hùng	Nam	01/02/2005	Lâm Đồng	100	7,93	Khá
8	2123170212	Võ Nhĩ	Khang	Nam	06/02/2005	Lâm Đồng	100	6,63	Khá
9	2123170535	Phạm Lê Bảo	Long	Nam	07/01/2005	Đắk Lắk	100	6,67	Khá
10	2123170215	Lê Thị Phương	Nhi	Nữ	16/04/2005	Vĩnh Long	100	8,24	Giỏi
11	2123170238	Nguyễn Đắc	Tài	Nam	05/06/2005	Khánh Hòa	100	7,27	Khá
12	2123170228	Trần Quốc	Toàn	Nam	07/03/2005	Lâm Đồng	100	8,05	Giỏi
13	2123170234	Nguyễn Thái	Trường	Nam	06/09/2005	An Giang	100	7,40	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô H									
1	2123170249	Trần Văn Bảo	Duy	Nam	13/11/2005	Đồng Tháp	100	7,36	Khá
2	2123170280	Lê Trương Quốc	Huy	Nam	21/10/2005	An Giang	100	7,62	Khá
3	2123170262	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	26/05/2005	Đồng Nai	100	7,48	Khá
4	2123170259	Dương Sĩ	Phon	Nam	14/02/2005	Đồng Nai	100	8,09	Giỏi
5	2123170266	Mai Ngọc	Quý	Nam	27/01/2005	Lâm Đồng	100	7,62	Khá
6	2123170258	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	16/04/2005	Đắk Lắk	100	7,48	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô I									
1	2118170619	Nguyễn Minh	Cương	Nam	02/11/2000	Đắk Lắk	90	6,28	Khá
2	2122170343	Trần Quốc	Khánh	Nam	25/06/2004	An Giang	105	7,58	Khá
3	2122170358	Điều	Nhân	Nam	19/06/2004	Đồng Nai	105	7,24	Khá
4	2122170329	Lê Văn	Nhân	Nam	16/09/2004	Khánh Hòa	105	7,42	Khá
5	2122170360	Phạm Ngọc	Thạch	Nam	10/04/2004	Gia Lai	105	7,09	Khá
6	2123170295	Nguyễn Văn Gia	Bảo	Nam	23/12/2004	Cà Mau	100	7,27	Khá
7	2123170302	Nguyễn Văn	Dùng	Nam	19/05/2004	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,99	Khá
8	2123170316	Lê Anh	Khôi	Nam	22/10/2005	Lâm Đồng	100	7,31	Khá
9	2123170288	Võ Thái	Ngọc	Nam	17/03/2005	Đồng Tháp	100	7,34	Khá
10	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	Nam	11/04/2005	An Giang	100	7,70	Khá
11	2123170312	Nguyễn Minh	Thọ	Nam	23/06/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,43	Khá
12	2123170313	Nguyễn Đăng	Triệu	Nam	03/05/2005	Quảng Ngãi	100	7,29	Khá
13	2123170452	Lê Văn	Tuấn	Nam	18/11/2005	Gia Lai	100	6,76	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô J									
1	2121170667	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	27/08/2003	Đồng Tháp	93	6,98	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2121170344	Nguyễn Phúc	Lộc	Nam	04/08/2003	Lâm Đồng	92	6,61	Khá
3	2122170366	Nguyễn Duy	Bảo	Nam	17/02/2004	Đồng Tháp	105	6,73	Khá
4	2122170384	Lưu Bình	Đức	Nam	17/01/2004	Đồng Tháp	105	6,84	Khá
5	2122170378	Lê Anh	Nhân	Nam	21/06/2004	Khánh Hòa	105	6,68	Khá
6	2122170375	Trần Đăng	Quân	Nam	27/07/2004	Khánh Hòa	105	7,21	Khá
7	2122170385	Bùi Công	Sắc	Nam	19/11/2003	Gia Lai	105	6,78	Khá
8	2123170318	Trần Văn	Cường	Nam	02/08/2005	Đắk Lắk	100	7,64	Khá
9	2123170336	Nguyễn Văn Chí	Hào	Nam	22/09/2003	Vĩnh Long	100	7,39	Khá
10	2123170329	Võ Văn	Hiếu	Nam	28/11/2005	Nghệ An	100	7,43	Khá
11	2123170627	Nguyễn Duy	Hoàn	Nam	10/12/2005	Đắk Lắk	100	7,50	Khá
12	2123170327	Phạm Thanh	Hoàng	Nam	07/04/2005	Đồng Tháp	100	7,61	Khá
13	2123170334	Ngô Phước	Lộc	Nam	10/07/2005	Tây Ninh	100	7,83	Khá
14	2123170344	Nguyễn Văn Khôi	Nguyên	Nam	22/10/2005	Đồng Nai	100	7,80	Khá
15	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	Nam	24/01/2005	Gia Lai	100	7,97	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô K

1	2120170354	Huỳnh Hà	Chiến	Nam	30/10/2002	Gia Lai	92	7,08	Khá
2	2123170371	Trần Quốc	Anh	Nam	27/11/2005	Đắk Lắk	100	7,28	Khá
3	2123170589	Trần Phương	Bình	Nam	10/10/2005	Tây Ninh	100	7,94	Khá
4	2123170352	Lê Nguyễn Anh	Khoa	Nam	10/05/2005	Gia Lai	100	7,49	Khá
5	2123170353	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	23/06/2005	Lâm Đồng	100	7,63	Khá
6	2123170354	Lê Thanh	Phúc	Nam	09/12/2005	Quảng Ngãi	100	7,74	Khá
7	2123170364	Kiều Ngọc	Sang	Nam	18/01/2005	Khánh Hòa	100	7,02	Khá
8	2123170366	Nguyễn Ngọc	Thắng	Nam	11/11/2005	Đồng Tháp	100	6,53	Khá
9	2123170359	Nguyễn Thanh	Thoáng	Nam	19/04/2005	Gia Lai	100	6,94	Khá
10	2123170377	Lê Văn	Tuấn	Nam	21/02/2005	Đồng Nai	100	7,23	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô L

1	2120170390	Nguyễn Lê Trọng	Ân	Nam	29/03/2002	Đồng Tháp	92	6,73	Khá
2	2120170412	Nguyễn Duy	Quang	Nam	18/04/2002	Khánh Hòa	92	6,81	Khá
3	2121170411	Nguyễn Huỳnh Diễn	Tín	Nam	10/10/2003	Vĩnh Long	92	6,84	Khá
4	2121170406	Trần Hữu	Vinh	Nam	25/01/2003	Đồng Tháp	92	6,83	Khá
5	2123170389	Nguyễn Xuân	Nghiệp	Nam	08/10/1998	Gia Lai	100	7,31	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô O

1	2120170509	Nguyễn Trung	Quân	Nam	21/01/2002	Khánh Hòa	94	6,92	Khá
2	2122170597	Hà Văn Thanh	Thái	Nam	22/06/2003	Đồng Nai	105	7,58	Khá
3	2122170575	Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/10/2004	Đồng Nai	105	7,80	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô P

1	2121170533	Trương Tấn	Tài	Nam	26/02/2003	Đồng Nai	94	6,72	Khá
---	------------	------------	-----	-----	------------	----------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122170609	Phạm Minh	Hiếu	Nam	18/05/2004	Đồng Nai	105	6,64	Khá
3	2122170643	Nguyễn Thành	Quốc	Nam	30/06/2004	Lâm Đồng	105	6,65	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô Q

1	2122170665	Trần Đình	Huy	Nam	06/12/2004	Gia Lai	105	7,01	Khá
2	2122170656	Phan Minh	Kiệt	Nam	20/08/2004	Tây Ninh	105	7,02	Khá
3	2122170663	Đoàn	Thống	Nam	14/02/2004	Tây Ninh	105	6,75	Khá
4	2122170654	Lê Duy	Trung	Nam	15/06/2004	Đồng Nai	105	6,87	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô R

1	2122170708	Nguyễn Thanh	An	Nam	10/07/2000	Tây Ninh	105	7,12	Khá
2	2122170828	Đỗ Công	Danh	Nam	30/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,39	Khá
3	2122170709	Lê Ngọc	Linh	Nam	05/10/2004	Lâm Đồng	105	7,59	Khá

Công nghệ da giày

Lớp: Công nghệ da giày A

1	2122070004	Nguyễn Thiên	Bảo	Nam	30/06/2004	Đồng Nai	105	6,86	Khá
2	2122070017	Phan Hoàng	Long	Nam	18/01/2004	Đồng Nai	105	6,62	Khá
3	2122070003	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	Nữ	24/08/2004	Lâm Đồng	105	6,14	Trung bình
4	2123070017	Lưu Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/03/2005	Đồng Nai	100	8,50	Giỏi
5	2123070020	Nguyễn Huỳnh	Hương	Nữ	29/06/2005	Gia Lai	100	7,47	Khá
6	2123070001	Phạm Thị Ngọc	Liên	Nữ	29/07/2004	Đồng Nai	100	8,39	Giỏi
7	2123070011	Hà Thị Kim	Ngân	Nữ	27/06/2005	Gia Lai	100	7,23	Khá
8	2123070004	Văn Thị Yến	Nhiên	Nữ	05/10/2005	Đồng Nai	100	7,49	Khá
9	2123070015	Trần Ngọc Tấn	Tài	Nam	10/04/2005	Quảng Ngãi	100	7,46	Khá
10	2123070005	Phạm Thị Huyền	Trâm	Nữ	23/12/2005	Cà Mau	100	8,41	Giỏi
11	2123070018	Trần Ngọc	Trình	Nữ	17/10/2005	Đồng Nai	100	7,25	Khá
12	2123070006	Nguyễn Xuân	Văn	Nam	27/03/2005	Thành phố Đà Nẵng	100	7,03	Khá
13	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	Nữ	05/08/2005	Đồng Tháp	100	7,59	Khá

Lớp: Công nghệ da giày B

1	2121070036	Nguyễn Quang	Huy	Nam	12/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,90	Khá
2	2122070046	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	21/04/2004	Lâm Đồng	105	6,22	Trung bình

Công nghệ may

Lớp: Công nghệ may A

1	2121130002	Cao Hoài	Nữ	Nữ	20/07/2003	Gia Lai	92	6,60	Khá
2	2122130024	Trần Thị Kim	Hồng	Nữ	21/03/2004	Lâm Đồng	112	6,99	Khá
3	2122130028	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	14/11/2003	Vĩnh Long	112	7,82	Khá
4	2122130008	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	20/05/2004	Cà Mau	112	7,83	Khá
5	2122130017	Đặng Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/03/2004	Gia Lai	112	6,89	Khá
6	2122130007	Phan Lệ	Thoa	Nữ	10/04/2004	Gia Lai	112	6,60	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
7	2123130011	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	08/05/2005	Đồng Tháp	100	8,12	Giỏi
8	2123130022	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	31/01/2001	Ninh Bình	100	8,64	Giỏi
9	2123130002	Bùi Thị Xuân	Mai	Nữ	23/02/2005	Tây Ninh	100	7,12	Khá
10	2123130017	Hồ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/09/2005	Tây Ninh	100	8,33	Giỏi
11	2123130021	Phan Thị Ngọc	Nhi	Nữ	04/11/2005	Đồng Tháp	100	8,89	Giỏi
12	2123130079	Lâm Thị Quỳnh	Như	Nữ	02/09/2005	Đồng Nai	100	6,98	Khá
13	2123130010	Phạm Thị Hồng	Như	Nữ	25/01/2005	Gia Lai	100	8,16	Giỏi
14	2123130014	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	05/10/2005	Đồng Tháp	100	8,13	Giỏi
15	2123130008	Nguyễn Thị Thu	Tài	Nữ	08/10/2005	Khánh Hòa	100	8,07	Giỏi
16	2123130007	Lê Nguyễn Mai	Thuy	Nữ	14/06/2005	Đồng Tháp	100	7,48	Khá
17	2123130006	Nguyễn Phan Kiều	Xa	Nữ	19/05/2003	Vĩnh Long	100	8,64	Giỏi

Lớp: Công nghệ may B

1	2121130046	Vũ Ngọc Bích	Hằng	Nữ	10/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	92	6,61	Khá
2	2122130058	Nguyễn Thị Thu	Oanh	Nữ	07/09/2003	Thành phố Cần Thơ	112	7,50	Khá
3	2122130046	Trần Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	01/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	112	7,88	Khá
4	2123130036	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	18/03/2005	Tây Ninh	100	6,96	Khá
5	2123130052	Lê Thị Hồng	Lan	Nữ	06/02/2004	Gia Lai	100	7,77	Khá
6	2123130053	Trương Thị Hồng	Liên	Nữ	22/06/2005	Đồng Tháp	100	7,13	Khá
7	2123130034	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	10/05/2005	Đồng Nai	100	7,21	Khá
8	2123130058	Bùi Nữ Thiên	Lý	Nữ	27/05/2005	Gia Lai	100	7,40	Khá
9	2123130042	Lê Thị	Nga	Nữ	10/05/2005	Gia Lai	100	7,13	Khá
10	2123130033	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	26/03/2005	Tây Ninh	100	7,27	Khá
11	2123130048	Hồ Thị Phương	Thảo	Nữ	09/01/2005	Gia Lai	100	8,24	Giỏi
12	2123130060	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	02/11/2005	Đồng Tháp	100	7,05	Khá
13	2123130061	Trương Thanh	Tiền	Nữ	16/09/2005	Khánh Hòa	100	7,26	Khá
14	2123130090	Văn Thị Huyền	Trân	Nữ	27/04/2005	Đồng Tháp	100	7,62	Khá
15	2123130037	Trần Phương	Trang	Nữ	30/10/2004	Thanh Hóa	100	7,51	Khá
16	2123130043	Nguyễn Vũ Kiều	Trình	Nữ	19/07/2005	Gia Lai	100	7,57	Khá

Lớp: Công nghệ may C

1	2122130092	Huỳnh Thị Ngọc	Liễu	Nữ	25/02/2004	Lâm Đồng	112	7,44	Khá
2	2122130084	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	07/03/2004	Đồng Tháp	112	8,11	Giỏi
3	2122130074	Nguyễn Thị Quỳnh	Uyên	Nữ	20/12/2004	Gia Lai	112	7,17	Khá
4	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	Nữ	29/08/2004	An Giang	100	7,18	Khá
5	2123130068	Huỳnh Kim	Hòa	Nữ	23/02/2005	Khánh Hòa	100	8,39	Giỏi
6	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	Nữ	30/01/2005	Đồng Tháp	100	7,20	Khá
7	2123130075	Trần Thanh Yến	Nhi	Nữ	13/03/2005	Lâm Đồng	100	7,85	Khá
8	2123130086	Trịnh Quỳnh	Nhi	Nữ	08/05/2004	Đồng Nai	100	7,93	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
9	2123130085	Lâm Quê	Như	Nữ	23/11/2005	Gia Lai	100	7,64	Khá
10	2123130083	Tường Thị	Út	Nữ	01/01/2005	Đồng Nai	100	7,05	Khá

Thiết kế thời trang

Lớp: Thiết kế thời trang A

1	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	08/04/2005	Quảng Ngãi	100	8,18	Giỏi
2	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	Nữ	05/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,30	Khá
3	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	Nữ	19/10/2005	Đồng Nai	100	8,46	Giỏi
4	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	Nữ	02/04/2005	Gia Lai	100	7,85	Khá
5	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	Nữ	18/11/2005	Cà Mau	100	7,31	Khá
6	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	Nữ	30/01/2005	Đồng Nai	100	8,75	Giỏi
7	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	Nữ	15/04/2005	An Giang	100	8,23	Giỏi
8	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	Nữ	05/12/2005	Lâm Đồng	100	8,05	Giỏi

Công nghệ thông tin

Lớp: Công nghệ thông tin A

1	2121110009	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	Nam	01/10/2003	Đắk Lắk	105	6,72	Khá
2	2121110375	Trần Minh	Dũng	Nam	18/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,32	Khá
3	2121110002	Văn Ngọc	Hải	Nam	28/11/2003	Gia Lai	105	6,39	Khá
4	2121110021	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	09/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,78	Khá
5	2122110018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	01/01/2004	Vĩnh Long	105	7,17	Khá
6	2122110438	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	04/09/2000	Đồng Nai	105	6,80	Khá
7	2122110033	Nguyễn Trung	Tín	Nam	07/03/2004	Vĩnh Long	105	6,90	Khá
8	2122110017	Hồ Ngọc Minh	Trí	Nam	25/11/2004	Đắk Lắk	105	6,86	Khá
9	2122110437	Lê Anh	Văn	Nam	20/07/2004	Gia Lai	105	6,44	Khá
10	2123110001	Ma Văn	Hải	Nam	26/08/2002	Đồng Nai	100	7,02	Khá
11	2123110013	Thái Mộng	Kiều	Nữ	21/08/2005	Đồng Nai	100	7,85	Khá
12	2123110003	Nguyễn Thành	Long	Nam	13/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	100	8,60	Giỏi
13	2123110012	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/09/1999	Hà Tĩnh	100	8,58	Giỏi
14	2123110025	Mai Hồng	Phúc	Nam	14/01/2005	Lâm Đồng	100	6,55	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin B

1	2119110064	Võ Huỳnh Phát	Triệu	Nam	17/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	93	6,07	Trung bình
2	2122110045	Phạm Quốc	Duy	Nam	11/02/2004	Đồng Tháp	105	6,75	Khá
3	2122110046	Võ Thành	Trung	Nam	14/04/2004	Tây Ninh	105	7,09	Khá
4	2123110060	Tô Văn	Hưng	Nam	21/02/2005	Gia Lai	100	8,31	Giỏi
5	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	Nữ	11/12/2005	Đồng Tháp	100	8,45	Giỏi

Lớp: Công nghệ thông tin C

1	2121110103	Lý Tấn	Khải	Nam	30/07/2003	Đồng Tháp	105	7,67	Khá
2	2121110104	Nguyễn Châu	Phú	Nam	19/02/2003	Đắk Lắk	105	6,58	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2121110092	Thái Minh	Trực	Nam	05/01/2003	Gia Lai	105	7,14	Khá
4	2122110115	Thái Trường	An	Nam	23/06/2004	Gia Lai	105	6,49	Khá
5	2122110103	Đình Quốc	Anh	Nam	20/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	106	6,46	Khá
6	2122110121	Trần Quốc	Khánh	Nam	28/06/2004	Gia Lai	106	7,19	Khá
7	2123110095	Phan Phước	Hiếu	Nam	25/09/2005	Tây Ninh	100	7,71	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin CLC

1	2122110419	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23/09/2004	An Giang	105	7,28	Khá
---	------------	-------------	-----	-----	------------	----------	-----	------	-----

Lớp: Công nghệ thông tin D

1	2121110127	Trần Tấn	Độ	Nam	02/11/2002	Lâm Đồng	105	6,59	Khá
2	2122110147	Nguyễn Đình	Lợi	Nam	12/12/2004	Đắk Lắk	106	7,51	Khá
3	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	03/12/2005	Lâm Đồng	100	8,22	Giỏi
4	2123110142	Trần Trọng	Phúc	Nam	05/12/2005	Tây Ninh	100	7,28	Khá
5	2123110126	Nguyễn Tấn	Thiện	Nam	12/03/2005	Lâm Đồng	100	7,30	Khá
6	2123110120	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trâm	Nữ	26/04/2005	Đồng Tháp	100	7,21	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin E

1	2118150068	Nguyễn Phan Duy	Tân	Nam	22/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	93	6,75	Khá
2	2120110351	Phan Quang	Thuật	Nam	26/09/2002	Đắk Lắk	94	6,91	Khá
3	2122110557	Võ Thị Kiều	Tiên	Nữ	01/08/2004	Vĩnh Long	105	6,63	Khá
4	2123110163	Đoàn Văn	Đức	Nam	27/10/2004	Gia Lai	100	8,20	Giỏi
5	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	Nam	03/03/2005	An Giang	100	6,91	Khá
6	2123110176	Trần Thị Mộng	Ngân	Nữ	20/06/2005	Tây Ninh	100	7,62	Khá
7	2123110166	Nguyễn Tuấn	Tài	Nam	01/07/2005	Đồng Nai	100	7,75	Khá
8	2123110174	Ung Thị Thanh	Thảo	Nữ	06/11/2005	Tây Ninh	100	7,78	Khá
9	2123110173	Phan Thanh Đức	Tín	Nam	13/02/2005	Gia Lai	100	6,88	Khá
10	2123110160	La Quang	Triều	Nam	25/03/2005	Quảng Ngãi	100	7,62	Khá
11	2123110167	Nguyễn Trúc	Trường	Nam	23/08/2005	Đồng Nai	100	7,26	Khá
12	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	Nam	04/11/2005	Đồng Nai	100	7,23	Khá
13	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo	Vy	Nữ	20/11/2005	Tây Ninh	100	8,12	Giỏi

Lớp: Công nghệ thông tin F

1	2122110202	Nguyễn Phước	Dương	Nam	20/10/2004	Gia Lai	105	6,96	Khá
2	2122110449	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	28/09/2004	Tây Ninh	105	6,75	Khá
3	2122110236	Nguyễn Trường	Sinh	Nam	24/11/2004	Tây Ninh	105	6,45	Khá
4	2122110218	Từ Văn Anh	Thư	Nữ	11/11/2004	Khánh Hòa	105	6,44	Khá
5	2122110239	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	21/07/2004	Đồng Tháp	105	6,19	Trung bình
6	2123110202	Phạm Văn Quỳnh	Phúc	Nam	21/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,28	Khá
7	2123110187	Trần Văn	Toàn	Nam	27/05/2005	Quảng Trị	100	7,19	Khá
8	2123110186	Bùi Quốc	Việt	Nam	30/03/2004	Lâm Đồng	100	6,92	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Công nghệ thông tin G									
1	2122110246	Trần	Thức	Nam	22/02/2003	Đắk Lắk	105	6,76	Khá
2	2122110250	Trần Nhật	Tú	Nam	28/09/2004	Gia Lai	105	7,75	Khá
3	2123110249	Hoàng Đình	Bảo	Nam	14/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,11	Trung bình
4	2123110226	Nguyễn Tuấn Vũ	Duy	Nam	12/10/2005	Lâm Đồng	100	8,09	Giỏi
5	2123110241	Hồ Công	Minh	Nam	07/07/2005	Gia Lai	100	6,87	Khá
6	2123110244	Giang Minh	Nhật	Nam	22/04/2004	Lâm Đồng	100	7,06	Khá
7	2123110223	Nguyễn Huỳnh	Phúc	Nam	12/10/2004	Đồng Nai	100	8,68	Giỏi
8	2123110219	Tạ Văn Hoài	Sung	Nam	01/04/2005	Lâm Đồng	100	7,79	Khá
9	2123110227	Nguyễn Đức	Trung	Nam	26/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	8,30	Giỏi
10	2123110462	Nguyễn Hoàng	Vĩ	Nam	09/09/2005	Đồng Nai	100	6,80	Khá
Lớp: Công nghệ thông tin H									
1	2120110252	Kiều Tây	Nguyên	Nam	14/02/2002	Đắk Lắk	92	6,62	Khá
2	2122110282	Lê Thành	Chiến	Nam	15/05/2004	Đồng Tháp	105	6,85	Khá
3	2122110316	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	20/12/2004	Gia Lai	105	6,64	Khá
4	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	Nam	30/09/2004	Thành phố Đà Nẵng	105	6,53	Khá
5	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyên	Nam	25/09/2004	Đồng Tháp	105	7,41	Khá
6	2122110310	Loan Thanh	Tùng	Nam	16/12/2004	Đồng Nai	105	6,61	Khá
7	2123110285	Hoàng Thanh	Hồng	Nam	01/10/2005	Lâm Đồng	100	8,24	Giỏi
8	2123110273	Nguyễn Hữu	Quang	Nam	15/08/2005	Gia Lai	100	8,35	Giỏi
Lớp: Công nghệ thông tin I									
1	2119110290	Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	92	6,83	Khá
2	2121110297	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	Nữ	19/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,61	Khá
3	2121110367	Lâm Tấn	Đạt	Nam	04/02/2003	Quảng Ngãi	105	6,34	Khá
4	2122110350	Nguyễn Võ Kiên	Cường	Nam	03/04/2004	Đắk Lắk	105	6,75	Khá
5	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	Nam	17/09/2004	Gia Lai	105	6,48	Khá
6	2123110308	Lê Trần Chính	Nguyên	Nam	08/12/2005	Đắk Lắk	100	8,44	Giỏi
Lớp: Công nghệ thông tin J									
1	2122110380	Vũ Hoàng	Chính	Nam	22/02/2004	Đồng Nai	105	8,50	Giỏi
2	2122110375	Nguyễn Văn	Hào	Nam	21/07/2003	Đắk Lắk	105	6,93	Khá
3	2122110370	Hồ Đức	Hoàng	Nam	09/10/2004	Gia Lai	105	6,94	Khá
4	2122110367	Lê Trung	Kiên	Nam	06/04/2004	Đắk Lắk	105	6,35	Khá
5	2122110382	Phan Huỳnh Trọng	Tín	Nam	19/07/2004	Tây Ninh	106	6,64	Khá
6	2122110389	Trần Huyền	Trần	Nữ	05/05/2002	Cà Mau	105	7,26	Khá
7	2123110359	Nguyễn Ngọc	Cường	Nam	27/08/2005	Đồng Tháp	100	7,78	Khá
8	2123110365	Vì Ngọc	Hiệp	Nam	03/05/2003	Đồng Nai	100	8,03	Giỏi
9	2123110364	Trần Quốc	Kiệt	Nam	13/09/2005	Vĩnh Long	100	7,70	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
10	2123110363	Tôn Thất	Tùng	Nam	13/02/2005	Gia Lai	100	7,33	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin K

1	2122110460	Trương Học	Hữu	Nam	17/08/2004	Đắk Lắk	105	7,27	Khá
2	2122110509	Nguyễn Đình	Lâm	Nam	02/11/2003	Hà Tĩnh	105	8,57	Giỏi
3	2122110510	Đặng Thị Bích	Vàng	Nữ	20/10/2002	Đồng Tháp	106	7,58	Khá
4	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	Nam	26/05/2005	Gia Lai	100	7,26	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin L

1	2122110470	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	06/08/2004	Đồng Nai	105	6,89	Khá
2	2122110465	Lưu Từ Cill Pam Giu	Đe	Nam	27/04/2004	Lâm Đồng	105	6,75	Khá
3	2122150050	Nguyễn Trần Khôi	Nguyên	Nam	12/01/2001	Lâm Đồng	105	8,76	Giỏi
4	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	Nam	25/01/2004	Thành phố Huế	105	6,56	Khá
5	2123110423	Kiều Xuân	Thanh	Nam	09/06/2004	Khánh Hòa	100	6,85	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin M

1	2122110538	Trần Trần	Hiệp	Nam	06/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,35	Khá
2	2122110522	Lê Văn	Hiếu	Nam	15/04/2004	Nghệ An	105	6,61	Khá
3	2122110527	Phạm Hải	Khang	Nam	15/04/2004	Tây Ninh	105	6,91	Khá
4	2122110524	Dương Thị Ái	Nhi	Nữ	20/08/2004	Lâm Đồng	105	7,62	Khá
5	2122110517	Nguyễn Minh	Trí	Nam	28/08/2004	Đồng Tháp	105	7,23	Khá
6	2123110482	Phạm Ngọc	An	Nam	07/03/2005	Gia Lai	100	7,44	Khá
7	2123110499	Lê Võ Thiên	Ấn	Nam	02/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,48	Khá
8	2123110520	Nguyễn Lê Kim	Anh	Nữ	18/06/2005	Đồng Tháp	100	7,14	Khá
9	2123110515	Lê Quý	Đôn	Nam	24/06/2005	Đồng Nai	100	8,21	Giỏi
10	2123110517	Trần Công	Đức	Nam	21/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,46	Khá
11	2123110508	Lê Nhựt	Hào	Nam	18/03/2005	Tây Ninh	100	7,50	Khá
12	2123110513	Nguyễn Văn	Khan	Nam	22/10/2004	Đồng Tháp	100	7,36	Khá
13	2123110521	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	27/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,77	Khá
14	2123110488	Hoàng Ngọc	Thế	Nam	18/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,88	Khá
15	2123110490	Đỗ Thị Mỹ	Thi	Nữ	21/11/2005	Đắk Lắk	100	7,65	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin N

1	2122110588	Trần Đức	Khánh	Nam	10/04/2004	Đồng Nai	106	7,83	Khá
2	2122110562	Nguyễn Võ Anh	Kiệt	Nam	02/09/2004	Vĩnh Long	105	6,72	Khá
3	2122110565	Lục Thị Hạnh	Nhi	Nữ	05/09/2004	Lâm Đồng	105	7,07	Khá

Truyền thông và mạng máy tính

Lớp: Truyền thông và mạng máy tính

1	2122110056	Lê Anh	Hậu	Nam	23/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,66	Khá
2	2122220016	Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	16/06/2001	Lâm Đồng	105	6,60	Khá

Lớp: Truyền thông và mạng máy tính A

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2123220016	Phạm Hải	Anh	Nam	10/04/2005	Ninh Bình	100	6,48	Khá
2	2123220005	Nguyễn Đình	Đạt	Nam	19/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,57	Khá
3	2123220011	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	01/10/2005	An Giang	100	8,11	Giỏi
4	2123220028	Thái Chí	Thanh	Nam	24/11/2005	Đồng Tháp	100	6,68	Khá
5	2123220009	Mai Hữu	Thành	Nam	11/04/2005	An Giang	100	8,26	Giỏi
6	2123220034	Nguyễn Ngọc	Thịnh	Nam	10/01/2001	Đồng Nai	100	8,78	Giỏi
7	2123220025	Vô Minh	Thông	Nam	02/09/2005	Đắk Lắk	100	7,45	Khá
8	2123220010	Triệu Văn	Trãi	Nam	11/02/2005	An Giang	100	7,81	Khá
9	2123220001	Phạm Thị Thanh	Tú	Nữ	26/09/2005	Nghệ An	100	6,76	Khá
10	2123220081	Đặng Quốc	Việt	Nam	10/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,86	Khá

Lớp: Truyền thông và mạng máy tính B

1	2123220047	Lâm Lê Bình	An	Nam	13/12/2005	Khánh Hòa	100	6,64	Khá
2	2123220044	Lê Quốc	Hung	Nam	05/09/2004	Đồng Nai	100	7,96	Khá
3	2123220067	Nguyễn Công Triệu	Phú	Nam	09/06/2005	Đắk Lắk	100	7,36	Khá

Lớp: Truyền thông và mạng máy tính C

1	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	Nữ	13/04/2005	Lâm Đồng	100	8,41	Giỏi
2	2123220086	Lê Thanh	Huy	Nam	28/07/2005	Thành phố Huế	100	8,69	Giỏi
3	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	Nam	18/05/2005	Quảng Ngãi	100	6,90	Khá
4	2123220098	Dương Tôn Thái	Ngọc	Nam	10/03/2005	An Giang	100	7,56	Khá
5	2123220082	Đinh Tùng	Quang	Nam	11/11/2005	Đồng Nai	100	8,62	Giỏi
6	2123220085	Nguyễn Ngọc	Trọng	Nam	20/10/2005	Đồng Nai	100	8,00	Giỏi
7	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	Nam	12/11/2005	Lâm Đồng	100	8,69	Giỏi
8	2123220088	Dương Trung	Vương	Nam	06/02/2001	An Giang	100	8,65	Giỏi

Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông

Lớp: Điện tử truyền thông

1	2121230006	Vô Nguyên	Khang	Nam	02/01/1999	Đắk Lắk	105	7,27	Khá
---	------------	-----------	-------	-----	------------	---------	-----	------	-----

Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Lớp: Điện công nghiệp A

1	2121050077	Bùi Xuân	Chiến	Nam	25/09/2003	Đắk Lắk	105	6,50	Khá
2	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	Nam	09/12/2004	Tây Ninh	105	7,35	Khá
3	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	Nam	09/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	106	6,99	Khá
4	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	Nam	17/09/2004	Đồng Nai	105	6,88	Khá
5	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	Nam	01/09/2003	Lâm Đồng	106	6,09	Trung bình
6	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	Nam	07/07/2004	Lâm Đồng	105	6,98	Khá
7	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	17/05/2004	Đồng Nai	106	6,76	Khá
8	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	Nam	15/02/2005	Đắk Lắk	100	7,50	Khá
9	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	Nam	11/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,10	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
10	2123050047	Nguyễn	Toàn	Nam	21/04/2005	Khánh Hòa	100	7,60	Khá
11	2123050030	Trần Hưng	Trung	Nam	23/07/2005	Đồng Nai	100	7,30	Khá
12	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	Nam	31/08/2005	Đồng Nai	101	7,08	Khá
Lớp: Điện công nghiệp B									
1	2122050058	Đặng Minh	Trọng	Nam	12/02/2004	Đồng Tháp	105	6,86	Khá
2	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	Nam	15/07/2005	Lâm Đồng	101	7,12	Khá
3	2123050059	Cao Thiên	Thông	Nam	10/04/2005	Gia Lai	100	7,55	Khá
Lớp: Điện công nghiệp C									
1	2122050151	Lê Quý	Cầu	Nam	11/10/2004	Gia Lai	105	6,96	Khá
2	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	Nam	02/10/2004	Lâm Đồng	106	6,89	Khá
3	2122050099	Trương Công	Nghĩa	Nam	14/04/2004	Đồng Tháp	105	6,48	Khá
4	2123050115	Trương Quốc	Dũng	Nam	19/05/2005	Lâm Đồng	100	7,47	Khá
5	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	12/03/2005	Gia Lai	100	7,99	Khá
6	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	17/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,52	Khá
7	2123050135	Bá Trung	Lễ	Nam	05/08/2005	Khánh Hòa	100	7,41	Khá
8	2123050109	Lâm Văn	Lực	Nam	29/01/2005	Gia Lai	100	7,89	Khá
9	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	08/09/2005	Đồng Nai	100	7,53	Khá
10	2123050120	Đặng Mậu	Thành	Nam	15/06/2005	Gia Lai	100	7,42	Khá
11	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	05/05/2005	Quảng Ngãi	100	7,56	Khá
Lớp: Điện công nghiệp D									
1	2122050107	Lê Thanh	Thái	Nam	24/07/2002	Gia Lai	105	7,22	Khá
2	2122050126	Lê Thành	Trung	Nam	29/10/2004	Quảng Ngãi	105	7,70	Khá
3	2122050111	Võ Thanh	Trung	Nam	20/06/2004	Gia Lai	106	6,75	Khá
4	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	Nam	01/04/2003	Khánh Hòa	106	7,49	Khá
5	2123050167	Đặng Đức	Duy	Nam	08/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,23	Khá
6	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	Nam	19/01/2004	Cà Mau	100	7,23	Khá
7	2123050157	Trương Ngọc	Thái	Nam	04/09/2005	Khánh Hòa	100	7,31	Khá
8	2123050191	Võ Triệu	Thiên	Nam	01/05/2005	Vĩnh Long	100	8,33	Giỏi
9	2123050187	Phạm Công	Tiến	Nam	20/04/2005	Đồng Nai	100	7,71	Khá
Lớp: Điện công nghiệp E									
1	2123050220	Võ Trương	Đức	Nam	19/05/2005	Quảng Trị	100	7,48	Khá
2	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	Nam	21/06/2005	Khánh Hòa	100	7,55	Khá
3	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	Nam	26/09/1996	Lâm Đồng	100	6,96	Khá
4	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	Nam	30/09/2005	Ninh Bình	101	7,52	Khá
Lớp: Điện tử công nghiệp A									
1	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	Nam	01/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	6,78	Khá
2	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/12/2005	Đắk Lắk	100	7,35	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2123060096	Nguyễn Quốc	Chiến	Nam	28/01/2004	An Giang	100	7,62	Khá
4	2123060012	Nguyễn Văn	Công	Nam	03/12/2005	Lâm Đồng	100	7,58	Khá
5	2123060119	Huỳnh Văn	Đức	Nam	07/03/2005	Gia Lai	100	7,01	Khá
6	2123060182	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	27/12/2002	Đồng Nai	100	7,92	Khá
7	2123060127	Đặng Anh	Khoa	Nam	15/08/2004	Đắk Lắk	100	7,17	Khá
8	2123060210	Ngọc Văn	Nghị	Nam	01/04/2005	Đắk Lắk	100	7,91	Khá
9	2123060200	Lê Văn	Phi	Nam	30/10/2005	Vĩnh Long	100	7,50	Khá
10	2123060065	Hoàng Công	Phong	Nam	13/04/2005	Đồng Nai	100	7,97	Khá
11	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	Nam	26/09/2003	Đắk Lắk	100	8,48	Giỏi

Lớp: Điện tử công nghiệp B

1	2121060039	Nguyễn Đặng	Khoa	Nam	03/12/2003		105	7,18	Khá
---	------------	-------------	------	-----	------------	--	-----	------	-----

Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Lớp: CNKT điều khiển và tự động hóa B

1	2120150055	Trần Văn	Vàng	Nam	29/05/2002	Gia Lai	92	7,40	Khá
---	------------	----------	------	-----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa A

1	2121150001	Mạc Duy	Hoàng	Nam	28/07/2003	Gia Lai	107	6,39	Khá
2	2123150074	Vũ Huy	Đà	Nam	23/03/2005	Lâm Đồng	100	7,70	Khá
3	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	Nam	28/08/2005	Tây Ninh	100	6,73	Khá
4	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	Nam	08/07/2005	Quảng Ngãi	100	7,69	Khá
5	2123150096	Trần	Hoàng	Nam	24/05/2005	Lâm Đồng	100	7,70	Khá
6	2123150017	Phạm Minh	Trường	Nam	17/01/2003	Đắk Lắk	100	8,29	Giỏi

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa B

1	2121150049	Trần Danh	Nhân	Nam	27/02/2003	Đắk Lắk	107	7,18	Khá
2	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	Nam	25/10/2004	Quảng Ngãi	105	6,57	Khá
3	2123150067	Lê Nhật	Anh	Nam	25/08/2005	Đồng Nai	102	7,20	Khá
4	2123150002	Nguyễn Bá	Đạt	Nam	08/05/2003	Đồng Nai	101	7,68	Khá
5	2123150045	Nguyễn Đức	Hòa	Nam	07/09/2005	Lâm Đồng	100	7,18	Khá
6	2123150061	Nguyễn Nhất	Hòa	Nam	21/05/2005	Gia Lai	100	7,06	Khá
7	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	Nam	07/01/2005	Lâm Đồng	100	7,80	Khá
8	2123150070	Lê Hoài	Nam	Nam	05/10/2005	Gia Lai	100	7,13	Khá
9	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	Nữ	22/01/2005	Đồng Tháp	100	8,64	Giỏi
10	2123150046	Phan Thành	Sỹ	Nam	24/07/2005	Khánh Hòa	101	6,71	Khá
11	2123150089	Cao Tấn	Tài	Nam	16/01/2005	Đồng Nai	100	8,07	Giỏi
12	2123150042	Trần Thanh	Thông	Nam	14/06/2005	Gia Lai	100	7,59	Khá
13	2123150080	Đỗ Văn	Triều	Nam	16/09/2005	Lâm Đồng	100	8,24	Giỏi
14	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	Nam	26/01/2005	Đắk Lắk	100	7,66	Khá
15	2123150048	Vũ Khắc	Tường	Nam	22/08/2005	Lâm Đồng	100	7,76	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
16	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyên	Nam	13/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,04	Khá
17	2123150052	Trần Long	Vĩ	Nam	04/05/2005	Gia Lai	101	7,21	Khá
Công nghệ kỹ thuật nhiệt									
Lớp: Công nghệ KT nhiệt B									
1	2122180052	Trần Văn	Giang	Nam	08/03/2004	Gia Lai	106	7,17	Khá
2	2122180065	Nguyễn Nhất	Huy	Nam	26/11/2003	Gia Lai	106	6,80	Khá
3	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	Nam	13/11/2004	Đắk Lắk	105	7,02	Khá
4	2122180039	Trần Văn	Tiến	Nam	05/11/2004	Đồng Nai	106	6,88	Khá
5	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	Nam	16/07/2004	Đồng Tháp	105	6,77	Khá
6	2122180058	Lê Hùng	Vương	Nam	12/08/2004	Lâm Đồng	106	7,47	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt C									
1	2121180104	Hoàng Đình	Lạng	Nam	15/11/2003	Nghệ An	106	6,75	Khá
2	2122180094	Phan Tư	Khoa	Nam	05/06/2004	Đồng Nai	105	7,13	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt CLC									
1	2122180120	Nguyễn Đình	Cường	Nam	16/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,78	Khá
2	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	Nam	14/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	105	7,97	Khá
3	2122180105	Hồng Tuấn	Lộc	Nam	01/05/2004	Tây Ninh	105	7,35	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt D									
1	2122180103	Huỳnh Hậu	Hữu	Nam	09/01/2004	An Giang	106	7,52	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt A									
1	2121180016	Phan Hoàng	Phúc	Nam	30/06/2003	Vĩnh Long	105	6,61	Khá
2	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	Nam	01/06/2004	Quảng Ngãi	105	7,46	Khá
3	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	Nam	07/01/2005	Đồng Tháp	100	7,80	Khá
4	2123180033	Hồ Vũ	Phước	Nam	22/03/2002	Quảng Ngãi	100	7,67	Khá
5	2123180026	Trần Quang	Thắng	Nam	25/01/2005	Đồng Tháp	100	7,44	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt B									
1	2123180068	Lê Văn	Lương	Nam	20/03/2005	Quảng Ngãi	100	7,87	Khá
2	2123180056	Trần Ngọc	Phong	Nam	08/08/2005	Đắk Lắk	100	7,22	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt C									
1	2123180113	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	11/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,50	Khá
2	2123180086	Nguyễn Tùng	Dương	Nam	30/08/2004	Đắk Lắk	100	7,03	Khá
3	2123180104	Hoàng Quang	Hưởng	Nam	06/04/2005	Phú Thọ	100	7,20	Khá
4	2123180082	Phạm Phan Minh	Quyển	Nam	29/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,75	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh) A									
1	2120180014	Bùi Trí	Hiệp	Nam	19/10/2000	Lâm Đồng	93	6,88	Khá
Lớp: Điện Lạnh chất lượng cao									
1	2121180045	Nguyễn Thành	Luân	Nam	13/06/2003	Quảng Ngãi	105	7,03	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Công nghệ thực phẩm									
Lớp: Công nghệ thực phẩm A									
1	2122210032	Hoàng Thị Thanh	Lam	Nữ	19/10/2004	Đồng Nai	105	6,61	Khá
2	2123210022	Cao Ngọc Thúy	An	Nữ	08/05/2005	Vĩnh Long	100	7,30	Khá
3	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	Nam	24/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,77	Khá
4	2123210002	Bùi Thị Thùy	Dương	Nữ	07/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,35	Khá
5	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	Nam	31/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	6,86	Khá
6	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	Nữ	11/11/2005	Tây Ninh	100	7,27	Khá
7	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	29/12/2005	Đồng Tháp	100	7,30	Khá
8	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	Nữ	09/12/2005	Quảng Ngãi	100	8,08	Giỏi
9	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	31/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,61	Khá
10	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	Nam	05/04/2005	Vĩnh Long	100	7,04	Khá
11	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	03/07/2005	Đồng Tháp	100	7,44	Khá
12	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	Nữ	18/12/2005	Lâm Đồng	100	7,13	Khá
13	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	Nữ	23/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,89	Khá
14	2123210034	Lương Thu	Phương	Nữ	09/09/2003	Tây Ninh	100	7,35	Khá
15	2123210021	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	18/12/2005	Gia Lai	100	7,95	Khá
16	2123210008	Bùi Thanh	Quý	Nam	15/04/2005	Lâm Đồng	100	7,47	Khá
17	2123210005	Vũ Ngọc	Sơn	Nam	29/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,09	Khá
18	2123210024	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	02/11/2005	Gia Lai	100	7,27	Khá
19	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	Nữ	13/09/2005	Đồng Nai	100	7,09	Khá
20	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	09/10/2005	An Giang	100	8,04	Giỏi
21	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	29/07/2005	Thành phố Đà Nẵng	100	8,23	Giỏi
22	2123210007	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	20/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,24	Khá
23	2123210011	Hồ Thị Ngọc	Trân	Nữ	01/11/2005	Đồng Tháp	100	6,96	Khá
24	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	13/12/2005	Tây Ninh	100	7,38	Khá
25	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuyền	Nữ	24/12/2005	Tây Ninh	100	7,75	Khá
Lớp: Công nghệ thực phẩm B									
1	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	Nam	24/05/2005	Vĩnh Long	100	7,94	Khá
2	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	Nam	13/11/2005	Gia Lai	100	6,78	Khá
3	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	Nữ	19/12/2005	Gia Lai	100	8,06	Giỏi
4	2123210050	Trần Minh	Ngọc	Nam	28/01/2005	Ninh Bình	100	7,22	Khá
5	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	Nữ	17/04/2005	Gia Lai	100	7,44	Khá
6	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	Nữ	12/02/2005	Gia Lai	100	7,67	Khá
7	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	Nữ	18/03/2005	An Giang	100	8,35	Giỏi
8	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	23/06/2005	Gia Lai	100	7,34	Khá
9	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	Nữ	01/11/2005	Hưng Yên	100	7,19	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
10	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	16/07/2005	Gia Lai	100	7,39	Khá
11	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	24/06/2005	Quảng Ngãi	100	7,78	Khá
12	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	Nữ	26/12/2005	Đồng Nai	100	7,26	Khá
13	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	26/10/2005	Đồng Nai	100	8,02	Giỏi
14	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	Nữ	18/08/2005	Gia Lai	100	7,62	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm C

1	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	16/11/2004	Gia Lai	105	6,93	Khá
2	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	Nữ	22/10/2004	Gia Lai	105	6,26	Khá
3	2123210081	Phạm Thị Ngọc	Chính	Nữ	01/02/2005	Gia Lai	100	8,01	Giỏi
4	2123210103	Đỗ Thị Bích	Diễm	Nữ	09/06/2005	Gia Lai	100	7,28	Khá
5	2123210086	Lê Đỗ Phương	Hằng	Nữ	25/03/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,46	Khá
6	2123210101	Võ Huỳnh	Như	Nữ	20/12/2005	Gia Lai	100	7,33	Khá
7	2123210102	Nguyễn Thị Den	Ny	Nữ	03/05/2005	Gia Lai	100	7,13	Khá
8	2123210100	Nguyễn Thị Trúc	Quy	Nữ	22/04/2005	Gia Lai	100	7,91	Khá
9	2123210089	Lê Thị Ý	Thom	Nữ	06/12/2005	Gia Lai	100	8,65	Giỏi
10	2123210077	Danh Thị Cẩm	Tiên	Nữ	03/05/2005	thành phố Hồ Chí Minh	100	7,46	Khá
11	2123210090	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	01/09/2005	Gia Lai	100	8,15	Giỏi
12	2123210087	Trần Thị Như	Ý	Nữ	31/08/2005	Đắk Lắk	100	7,73	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm D

1	2121210118	Quản Lê	Minh	Nam	05/01/2002	thành phố Hồ Chí Minh	110	6,51	Khá
2	2122210124	Trần Thị Tuyết	Băng	Nữ	30/12/2004	Gia Lai	105	6,83	Khá
3	2122210191	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	Nữ	04/10/2004	Đồng Nai	106	6,99	Khá
4	2123210118	Hồ Thị	Diệu	Nữ	04/04/2005	Gia Lai	100	8,20	Giỏi
5	2123210135	Trương Văn	Dũng	Nam	24/09/2005	Gia Lai	100	7,17	Khá
6	2123210111	Nguyễn Thị Tường	Duy	Nữ	13/11/2005	An Giang	100	7,50	Khá
7	2123210182	Khúc Ngọc	Hà	Nam	23/03/2005	Lâm Đồng	100	7,12	Khá
8	2123210136	Lê Ngọc	Hiền	Nữ	28/04/2005	Cà Mau	100	7,62	Khá
9	2123210133	Nguyễn Thị Yến	Khoa	Nữ	13/10/2005	Đồng Tháp	100	8,09	Giỏi
10	2123210140	Lê Thị Trúc	Ly	Nữ	21/09/2005	Đồng Tháp	100	6,98	Khá
11	2123210121	Nguyễn Thị Khánh	My	Nữ	12/09/2005	Gia Lai	100	7,63	Khá
12	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	Nữ	06/04/2005	Gia Lai	100	7,74	Khá
13	2123210120	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	20/05/2005	Đồng Tháp	100	7,46	Khá
14	2123210138	Phan Thị Như	Uyển	Nữ	28/04/2005	Quảng Ngãi	100	7,65	Khá
15	2123210114	Huỳnh Ngọc Như	Ý	Nữ	05/05/2005	Gia Lai	100	7,78	Khá
16	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	Nữ	19/01/2005	Đồng Tháp	100	8,43	Giỏi

Lớp: Công nghệ thực phẩm E

1	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	Nam	03/06/2004	Cà Mau	100	8,17	Giỏi
---	------------	----------	-----	-----	------------	--------	-----	------	------

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2123210190	Lê Thị	Duyên	Nữ	28/11/2003	Vĩnh Long	100	7,74	Khá
3	2123210170	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	21/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	100	7,43	Khá
4	2123210155	Lê Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	07/04/2005	Lâm Đồng	100	7,14	Khá
5	2123210179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/07/2005	Gia Lai	100	8,10	Giỏi
6	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	18/06/2005	Gia Lai	100	7,37	Khá
7	2123210165	Hồ Trúc	Mai	Nữ	03/04/2005	Gia Lai	100	7,83	Khá
8	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	Nữ	26/11/2004	Gia Lai	100	7,29	Khá
9	2123210167	Võ Thị Phương	Thanh	Nữ	17/12/2005	An Giang	100	7,49	Khá
10	2123210150	Trương Ngọc	Thảo	Nữ	26/12/2005	Gia Lai	100	7,47	Khá
11	2123210157	Dương Thị Kim	Thỏa	Nữ	23/10/2005	Khánh Hòa	100	7,58	Khá
12	2123210159	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/01/2005	Đắk Lắk	100	7,05	Khá
13	2123210172	Nguyễn Đức	Trí	Nam	10/08/2005	Đồng Nai	100	7,94	Khá

Quản trị khách sạn

Lớp: Quản trị khách sạn A

1	2122260027	Võ Thành	Hưng	Nam	21/05/2004	Gia Lai	95	6,83	Khá
2	2122260019	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	09/12/2004	Gia Lai	95	6,71	Khá
3	2123260032	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	10/05/2005	Lạng Sơn	90	7,08	Khá
4	2123260001	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	07/07/1998	Khánh Hòa	90	7,15	Khá
5	2123260023	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	20/11/2004	Đồng Nai	90	7,39	Khá
6	2123260005	Nguyễn Thị Kiều	Thương	Nữ	25/08/2005	Vĩnh Long	90	7,48	Khá
7	2123260033	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	01/11/2005	Gia Lai	90	6,61	Khá
8	2123260016	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/11/2005	Gia Lai	90	6,70	Khá
9	2123260011	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	Nữ	22/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,68	Khá

Lớp: Quản trị khách sạn B

1	2121260046	Võ Thị	Quyên	Nữ	30/11/2002	Đắk Lắk	95	6,66	Khá
2	2122260051	Văng Thị Hồng	Lam	Nữ	13/10/2003	An Giang	95	7,08	Khá
3	2122260052	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	Nữ	30/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,63	Khá
4	2123260067	Trương Gia	Bảo	Nam	03/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,40	Khá
5	2123260060	Lê Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	19/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,70	Khá
6	2123260061	Võ Thị Thúy	Duyên	Nữ	08/03/2005	Gia Lai	90	7,11	Khá
7	2123260069	Trần Bảo	Hân	Nữ	19/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,67	Khá
8	2123260047	Hứa Thị Thúy	Hường	Nữ	13/02/2005	Đồng Nai	90	6,71	Khá
9	2123260071	Trương Kim	Nhân	Nữ	29/07/2005	Vĩnh Long	90	7,69	Khá
10	2123260052	Lê Trần Anh	Thư	Nữ	27/06/2005	Khánh Hòa	90	8,09	Giỏi
11	2123260050	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	26/07/2005	Gia Lai	90	6,85	Khá
12	2123260056	Ngô Thị Nhã	Thùy	Nữ	10/10/2005	Vĩnh Long	90	7,32	Khá
13	2123260044	Đinh Thị Mỹ	Uyên	Nữ	18/08/2005	An Giang	90	7,23	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị khách sạn C									
1	2123260096	Thẩm Thị Lan	Anh	Nữ	20/10/2004	Đắk Lắk	90	7,25	Khá
2	2123260072	Nguyễn Võ Gia	Hân	Nữ	04/07/2005	Lâm Đồng	90	8,70	Giỏi
3	2123260104	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	08/07/2005	Quảng Trị	90	6,39	Khá
4	2123260102	Nguyễn Trần Phương	Nghi	Nữ	30/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,22	Khá
5	2123260174	Lê Lâm Nhật	Yến	Nữ	22/03/2005	An Giang	90	8,08	Giỏi
Lớp: Quản trị khách sạn D									
1	2119260122	Trương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	21/05/2001	Tây Ninh	82	6,30	Khá
2	2122260100	Nguyễn Việt	Hội	Nam	17/11/2004	Đắk Lắk	95	7,72	Khá
3	2122260113	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	12/01/2004	Đồng Tháp	95	6,33	Khá
4	2123260129	Mã Thị	Diễm	Nữ	06/03/2005	Cà Mau	90	7,30	Khá
5	2123260119	Phạm Thị	Phước	Nữ	08/07/2005	Quảng Ngãi	90	6,69	Khá
6	2123260125	Trần Thông	Siêu	Nữ	04/04/2005	Gia Lai	90	6,50	Khá
7	2123260160	Hồ Thanh	Thảo	Nữ	05/05/2005	Đồng Nai	90	6,71	Khá
8	2123260135	Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	09/10/2005	An Giang	90	6,05	Trung bình
9	2123260123	Trần Thị Cẩm	Trinh	Nữ	24/04/2004	Quảng Ngãi	90	7,24	Khá
10	2123260136	Nguyễn Thị Bích	Truyền	Nữ	25/07/2005	Khánh Hòa	90	6,99	Khá
Lớp: Quản trị khách sạn E									
1	2122260153	Hồ Thị Gia	Hân	Nữ	08/02/2004	Vĩnh Long	95	7,73	Khá
2	2122260155	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	16/06/2003	Đồng Nai	96	6,52	Khá
3	2123260164	Phan Ngô Thùy	Dung	Nữ	31/10/2005	Thái Nguyên	90	7,42	Khá
4	2123260168	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	05/09/2005	Lâm Đồng	90	7,34	Khá
5	2123260165	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10/01/2005	Tây Ninh	90	7,18	Khá
6	2123260180	Phạm Thị Thu	Tuyền	Nữ	29/08/2005	Đắk Lắk	90	7,34	Khá
7	2123260189	Hoàng Phi	Yến	Nữ	12/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,81	Khá
Lớp: Quản trị khách sạn H									
1	2120150007	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	04/11/2002	Đồng Nai	82	7,13	Khá
2	2120240125	Nguyễn Phú	Khánh	Nam	14/03/2002	Gia Lai	82	7,56	Khá
3	2120260263	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	12/08/2002	Vĩnh Long	82	7,73	Khá
4	2120260271	Lê Văn	Trung	Nam	17/11/2002	Gia Lai	82	6,81	Khá
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống									
Lớp: Quản trị nhà hàng A									
1	2122270007	Phan Thị Minh	Thư	Nữ	15/10/2004	Đắk Lắk	96	6,69	Khá
2	2123270015	Nguyễn Lan	Chi	Nữ	20/01/2005	Đồng Nai	90	7,23	Khá
3	2123270013	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	20/02/2005	Tây Ninh	90	7,26	Khá
4	2123270018	Nguyễn Đức Minh	Huy	Nam	28/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,67	Khá
5	2123270025	Nguyễn Thành	Long	Nam	15/09/2005	Lâm Đồng	90	7,46	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2123270006	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyễn	Nam	10/05/2005	Lâm Đồng	90	6,97	Khá
7	2123270028	Phạm Công	Thành	Nam	12/02/2005	Lâm Đồng	90	7,47	Khá
8	2123270003	Nguyễn Vũ Thanh	Trâm	Nữ	30/06/2002	Khánh Hòa	90	7,44	Khá

Lớp: Quản trị nhà hàng B

1	2122270038	Nguyễn Lê Trà	My	Nữ	22/04/2004	Đồng Tháp	95	7,13	Khá
2	2122270048	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	11/09/2004	Gia Lai	95	6,90	Khá
3	2122270133	Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	29/10/2004	An Giang	95	8,03	Giỏi
4	2122270062	Nguyễn Trọng	Quân	Nam	10/06/2004	Hà Tĩnh	95	6,54	Khá
5	2122270036	Võ Thị Kim	Qui	Nữ	17/12/2004	An Giang	95	6,91	Khá
6	2122270049	Thái Thị Bảo	Trâm	Nữ	07/12/2004	Gia Lai	96	6,39	Khá
7	2123270120	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	27/05/2005	Đồng Tháp	90	7,42	Khá
8	2123270051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	27/10/2005	Tây Ninh	90	7,39	Khá
9	2123270056	Trương Minh	Toàn	Nam	09/01/2005	Tỉnh nhà phố Hồ Chí Minh	90	6,78	Khá
10	2123270055	Hoàng Thái	Tuấn	Nam	21/03/2005	Lâm Đồng	90	7,01	Khá
11	2123270036	Đặng Thị	Tuyền	Nữ	06/04/2005	Vĩnh Long	90	7,56	Khá

Lớp: Quản trị nhà hàng C

1	2122270085	Đinh Thị Ngọc	Hậu	Nữ	04/07/2004	Đắk Lắk	96	6,90	Khá
2	2122270134	Nguyễn Dương	Kiệt	Nam	21/11/2004	Tỉnh nhà phố Hồ Chí Minh	95	7,39	Khá
3	2122270068	Đinh Thị Tú	Mỹ	Nữ	16/08/2004	Gia Lai	95	6,74	Khá
4	2122270083	Lộ Thị Kim	Phương	Nữ	05/09/2003	Khánh Hòa	95	6,27	Khá
5	2122270080	Nguyễn Thanh	Thái	Nam	13/07/2002	Đồng Tháp	95	6,94	Khá
6	2122270096	Nguyễn Trung	Trực	Nam	05/06/2002	Tỉnh nhà phố Hồ Chí Minh	95	7,27	Khá
7	2122270069	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	Nữ	31/05/2003	Tỉnh nhà phố Hồ Chí Minh	95	7,01	Khá
8	2123270109	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	Nữ	06/06/2005	Quảng Ngãi	90	7,30	Khá
9	2123270076	Lê Thị Kiều	Diễm	Nữ	26/02/2005	Gia Lai	90	7,01	Khá
10	2123270104	Nguyễn Thị Thúy	Đoa	Nữ	17/02/2003	Gia Lai	90	8,56	Giỏi
11	2123270084	Võ Phạm Như	Huỳnh	Nữ	30/11/2005	Đồng Tháp	90	7,81	Khá
12	2123270073	Ngô Thị Thúy	Kiều	Nữ	08/11/2005	Tỉnh nhà phố Hồ Chí Minh	90	7,23	Khá
13	2123270106	Nguyễn Thị Kiều	Ly	Nữ	15/06/2005	Đắk Lắk	90	7,55	Khá
14	2123270100	Huỳnh Thị Trà	My	Nữ	04/12/2005	Đắk Lắk	90	6,90	Khá
15	2123270098	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	14/11/2005	Đắk Lắk	90	7,05	Khá
16	2123270081	Phạm Ngọc	Phảng	Nữ	31/07/2005	Đồng Tháp	90	7,20	Khá
17	2123270087	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	24/07/2005	Gia Lai	90	7,47	Khá
18	2123270082	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	26/12/2005	Đồng Tháp	90	7,00	Khá
19	2123270094	Lê Thùy Huyền	Trang	Nữ	22/06/2005	Gia Lai	90	7,13	Khá
20	2123270096	Văn Ngọc Hạ	Vy	Nữ	06/04/2005	Tây Ninh	90	7,98	Khá
21	2123270105	Nguyễn Kim	Xoan	Nữ	29/06/2005	Khánh Hòa	90	7,60	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị nhà hàng D									
1	2122270117	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	18/01/2004	Đồng Tháp	95	7,03	Khá
2	2123270123	Phan Bá	Mạnh	Nam	21/05/2005	Đồng Nai	90	7,46	Khá
3	2123270116	Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	15/02/2005	Gia Lai	90	7,55	Khá
4	2123270117	Trịnh Dương Hoàng	Tâm	Nam	06/01/2005	Tây Ninh	90	7,49	Khá
5	2123270114	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	21/08/2005	Quảng Ngãi	90	7,31	Khá
6	2123270131	Dương Văn	Vũ	Nam	15/09/2005	Lâm Đồng	90	7,31	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng E									
1	2119270150	Nguyễn Thị Tiểu	Mi	Nữ	22/08/2001	Quảng Ngãi	82	7,48	Khá
2	2123270173	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	Nữ	03/08/2005	Gia Lai	90	7,37	Khá
3	2123270153	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	14/05/2005	Đắk Lắk	90	7,69	Khá
4	2123270161	Bùi Thị Hồng	Nguyên	Nữ	21/11/2005	Tây Ninh	90	7,82	Khá
5	2123270168	Nguyễn Nhựt Thiên	Thanh	Nữ	16/10/2005	Vĩnh Long	90	7,75	Khá
6	2123270160	Thượng Thị Hồng	Thảo	Nữ	12/05/2005	Tây Ninh	90	7,27	Khá
7	2123270158	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	20/09/2005	Đồng Tháp	90	7,22	Khá
Kế toán									
Lớp: Kế toán A									
1	2122100035	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24/04/2004	Lâm Đồng	95	7,34	Khá
2	2123100013	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/11/2004	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,71	Khá
Lớp: Kế toán B									
1	2122100050	Trần Ngọc Kim	Chi	Nữ	25/11/2004	Vĩnh Long	95	7,06	Khá
2	2123100071	Nguyễn Thu	An	Nữ	08/06/2005	Khánh Hòa	90	8,00	Giỏi
3	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	Nữ	25/10/2005	Lâm Đồng	90	7,35	Khá
4	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	Nữ	06/07/2005	Đồng Nai	91	8,01	Khá
5	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	Nữ	09/03/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	91	7,33	Khá
6	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	08/11/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	91	7,17	Khá
7	2123100047	Vũ Thị Phương	Thủy	Nữ	28/10/2005	Đồng Nai	90	7,74	Khá
8	2123100042	Nguyễn Võ Tường	Vy	Nữ	16/04/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	6,76	Khá
Lớp: Kế toán C									
1	2123100298	Nguyễn Thị Trúc	Đào	Nữ	24/05/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,74	Khá
2	2123100099	Nguyễn Thu	Diệu	Nữ	25/09/2005	Ninh Bình	90	6,61	Khá
3	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	Nữ	10/06/2005	Thanh Hóa	90	8,35	Giỏi
4	2123100090	Lương Thị Thúy	Kiều	Nữ	05/10/2004	Đồng Nai	90	6,77	Khá
5	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	23/05/2005	Lâm Đồng	90	6,90	Khá
6	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	Nữ	16/02/2005	Đồng Nai	90	7,31	Khá
7	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/02/2005	Lâm Đồng	90	7,68	Khá
8	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	Nữ	02/03/2005	Lâm Đồng	90	7,68	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Kế toán Chất lượng cao									
1	2121102006	Đặng Hà	Xuyên	Nữ	13/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,25	Khá
2	2122100297	Lê Phan Tiểu	Phụng	Nữ	18/05/2004	Đồng Nai	95	5,97	Trung bình
3	2122100296	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	28/01/2004	Đồng Tháp	95	6,65	Khá
Lớp: Kế toán D									
1	2121100112	Trần Thị Kim	Vy	Nữ	18/07/2003	Lâm Đồng	95	7,04	Khá
2	2122100110	Lê Hồng	Mai	Nữ	07/12/2004	Đồng Tháp	95	7,38	Khá
3	2123100125	Võ Trương Thế Khả	Ái	Nữ	31/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,91	Khá
4	2123100130	Đỗ Thị Minh	Huyền	Nữ	26/11/2005	Đồng Tháp	90	7,51	Khá
5	2123100115	Trần Khánh	Linh	Nữ	20/01/2005	Đồng Nai	90	7,73	Khá
6	2123100126	Trần Thị Ngọc	Ngân	Nữ	04/06/2004	Thành phố Cần Thơ	90	7,78	Khá
7	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/12/2005	Đồng Nai	91	7,20	Khá
8	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	09/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,18	Giỏi
Lớp: Kế toán E									
1	2121100172	Vũ Hoàng Thiên	Lý	Nữ	22/06/2003	Lâm Đồng	95	6,64	Khá
2	2121100157	Lê Tạ Hoài	Phong	Nam	14/12/2003	Vĩnh Long	95	7,11	Khá
3	2121100169	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	16/10/2003	Đắk Lắk	95	6,78	Khá
4	2123100173	Phạm Trang	Anh	Nữ	04/11/2005	An Giang	90	7,07	Khá
5	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	Nữ	20/10/2005	An Giang	91	7,29	Khá
6	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	Nữ	31/07/2005	Gia Lai	90	6,78	Khá
7	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết	Nghi	Nữ	20/09/2005	Đồng Tháp	90	6,94	Khá
Lớp: Kế toán F									
1	2121100189	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	09/06/2003	Đồng Nai	95	6,52	Khá
2	2121100195	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23/11/2003	Đồng Nai	95	6,59	Khá
3	2122100188	Hứa Thị Kim	Anh	Nữ	15/04/2004	Khánh Hòa	95	5,94	Trung bình
4	2122100332	Hồ Thiên	Phúc	Nữ	06/04/2004	Đồng Nai	96	7,53	Khá
5	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	11/11/2005	Tây Ninh	90	8,10	Giỏi
6	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	Nữ	03/05/2005	Cà Mau	91	6,64	Khá
7	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	Nữ	18/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,91	Khá
Lớp: Kế toán G									
1	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	14/10/2004	Đồng Nai	96	6,12	Trung bình
2	2123100219	Võ Thị Ngọc	Hồng	Nữ	16/02/2005	Quảng Ngãi	90	7,46	Khá
3	2123100224	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	20/06/2005	Đồng Nai	90	6,78	Khá
4	2123100233	Nguyễn Thị Thu	Nhiên	Nữ	29/05/2005	Lâm Đồng	91	7,30	Khá
5	2123100286	Lê Thị Kim	Phượng	Nữ	07/09/2005	Lâm Đồng	91	7,42	Khá
6	2123100243	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	Nữ	19/03/2005	Lâm Đồng	90	7,86	Khá
7	2123100238	Lương Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	20/07/2005	Tây Ninh	90	7,96	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
8	2123100235	Võ Thị Thùy	Trang	Nữ	06/01/2005	Đồng Nai	90	8,16	Giỏi
9	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trinh	Nữ	25/10/2005	Quảng Ngãi	91	7,19	Khá
10	2123100249	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	08/03/2005	Quảng Ngãi	90	7,72	Khá

Lớp: Kế toán H

1	2121100275	Tô Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/12/2003	Quảng Ngãi	95	6,91	Khá
2	2122100267	Nguyễn Lê Quỳnh	Ánh	Nữ	11/10/2004	Hà Tĩnh	95	6,79	Khá
3	2123100291	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,05	Giỏi
4	2123100275	Hoàng Thị Lệ	Hằng	Nữ	30/01/2005	Quảng Trị	90	8,31	Giỏi
5	2123100258	Châu Thị Thanh	Mai	Nữ	10/11/2005	Khánh Hòa	90	7,63	Khá
6	2123100272	Đinh Thị Dương	Ngọc	Nữ	15/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,20	Giỏi
7	2123100260	Trần Thị Ngọc	Nguyên	Nữ	15/03/2005	Đắk Lắk	91	7,02	Khá
8	2123100278	Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	10/05/2005	Tây Ninh	91	7,75	Khá
9	2123100263	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	30/09/2005	Tây Ninh	90	8,10	Giỏi
10	2123100265	Bùi Mỹ	Tiên	Nữ	28/01/2005	An Giang	90	7,59	Khá
11	2123100264	Nguyễn Ngọc	Trân	Nữ	03/06/2005	Tây Ninh	90	7,67	Khá
12	2123100294	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	19/06/2005	Đồng Tháp	90	7,62	Khá
13	2123100266	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	19/05/2005	Nghệ An	91	7,46	Khá
14	2123100276	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	29/10/2004	Gia Lai	90	7,46	Khá

Lớp: Kế toán J

1	2122100366	Phạm Huyền	Trâm	Nữ	26/11/2004	Hà Tĩnh	95	6,35	Khá
2	2122100351	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	05/04/2004	Vĩnh Long	95	6,88	Khá

Logistics
Lớp: Logistics A

1	2123300033	Nguyễn Trân	Châu	Nữ	04/03/2005	Tây Ninh	91	7,56	Khá
2	2123300029	Trần Đức	Hoan	Nam	02/02/2005	Thành phố Cần Thơ	91	7,53	Khá
3	2123300027	Đặng Hoài Thiên	Kiều	Nữ	22/09/2004	Lâm Đồng	90	8,30	Giỏi
4	2123300031	Hoàng Thị Khánh	Ngân	Nữ	12/10/2005	Ninh Bình	90	8,30	Giỏi
5	2123300032	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	14/08/2005	Vĩnh Long	90	7,41	Khá
6	2123300015	Trương Ngọc	Nhi	Nữ	02/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	91	6,76	Khá
7	2123300025	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	28/09/2005	Đắk Lắk	90	7,14	Khá
8	2123300035	Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	15/06/2005	Gia Lai	91	7,07	Khá
9	2123300010	Phạm Thanh	Truyền	Nữ	29/09/2002	Gia Lai	90	7,04	Khá
10	2123300005	Nguyễn Ngọc Ánh	Vy	Nữ	03/09/2005	Lâm Đồng	90	6,65	Khá

Lớp: Logistics B

1	2123300060	Nguyễn Xuân	Hiệp	Nam	21/06/2005	Lâm Đồng	90	7,76	Khá
2	2123300071	Phạm Đức	Huy	Nam	01/01/2004	Đồng Tháp	91	7,12	Khá
3	2123300113	Nguyễn Thúy	Kiều	Nữ	09/01/2005	Gia Lai	90	7,71	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2123300061	Võ Thị Ngọc	Lan	Nữ	11/01/2005	Gia Lai	90	7,99	Khá
5	2123300069	Huỳnh Thị Kim	Phương	Nữ	08/06/2005	Lâm Đồng	90	8,05	Giỏi
6	2123300039	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	Nam	12/12/2005	Lâm Đồng	91	7,29	Khá
7	2123300038	Muhamad	Saleh	Nam	01/09/2004	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	8,05	Giỏi
8	2123300056	Phan Văn	Tuấn	Nam	12/06/2004	Gia Lai	90	7,48	Khá
9	2123300057	Châu Ngọc Nhã	Uyên	Nữ	14/11/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,90	Khá
10	2123300042	Trần Khả	Vy	Nữ	17/10/2005	Đồng Nai	91	7,46	Khá

Lớp: Logistics C

1	2123300072	Vũ Thành	Đạt	Nam	29/06/2005	Đồng Nai	90	7,50	Khá
2	2123300091	Vũ Hồng	Đức	Nam	12/09/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	8,10	Giỏi
3	2123300079	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	07/07/2005	Đắk Lắk	90	7,45	Khá
4	2123300084	Trần Ngọc Thanh	Hồng	Nữ	14/07/2005	Quảng Ngãi	90	7,72	Khá
5	2123300075	Nguyễn Thị	Hung	Nữ	09/04/2005	Gia Lai	90	7,64	Khá
6	2123300097	Nguyễn Thị Phương	Khánh	Nữ	09/03/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,86	Khá
7	2123300103	Võ Văn Bảo	Linh	Nam	27/11/2005	Lâm Đồng	90	7,20	Khá
8	2123300104	Nguyễn Thị Lan	Thanh	Nữ	06/10/2005	An Giang	90	7,57	Khá
9	2123300076	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	15/07/2005	Gia Lai	90	6,80	Khá
10	2123300074	Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	15/05/2005	Gia Lai	90	7,64	Khá
11	2123300088	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	18/10/2005	Lâm Đồng	90	7,70	Khá

Lớp: Logistics D

1	2123300117	Trần Thị Linh	Đoan	Nữ	13/12/2005	Đắk Lắk	90	7,33	Khá
2	2123300115	Lê Thanh	Hậu	Nam	06/12/2005	Tây Ninh	90	7,75	Khá
3	2123300132	Nguyễn Trọng	Lưu	Nam	10/09/2005	Gia Lai	90	7,92	Khá
4	2123300128	Ngô Thị Gia	Mẫn	Nữ	08/03/2004	Lâm Đồng	92	6,98	Khá
5	2123300125	Phạm Thị	Phương	Nữ	21/03/2005	Đắk Lắk	90	7,54	Khá
6	2123300134	Vũ Thanh	Sang	Nam	10/11/2003	Đồng Nai	90	6,68	Khá
7	2123300114	Huỳnh Tiến	Thịnh	Nam	22/06/2005	Khánh Hòa	90	7,35	Khá
8	2123300110	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	Nữ	21/10/2005	Lâm Đồng	90	8,21	Giỏi

Tài chính - Ngân hàng

Lớp: Tài chính - Ngân hàng A

1	2121190019	Trần Nguyễn Thanh	Quang	Nam	03/02/2003	Quảng Ngãi	95	6,33	Khá
2	2122190006	Trần Thị Thúy	Ngọc	Nữ	05/03/2004	Gia Lai	95	7,79	Khá
3	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuận	Nữ	29/12/2003	Cà Mau	90	8,64	Khá
4	2123190023	Sư Thị Kim	Tiên	Nữ	27/10/2005	Khánh Hòa	90	7,60	Khá
5	2123190024	Ngô Thị	Trà	Nữ	19/11/2005	Nghệ An	90	6,74	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng B

1	2122190065	Phạm Hồng Duy	Hải	Nam	04/01/2000	Lâm Đồng	96	7,41	Khá
---	------------	---------------	-----	-----	------------	----------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122190040	Phạm Thị	Trâm	Nữ	03/08/2004	Lâm Đồng	95	6,52	Khá
3	2122190053	Nguyễn Phạm Hồng Hạ	Uyên	Nữ	17/11/2004	Lâm Đồng	96	6,89	Khá
4	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	20/10/2004	Đồng Tháp	90	8,62	Giỏi
5	2123190036	Phạm Thị Tuyết	Ngân	Nữ	25/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,98	Khá
6	2123190069	Phạm Yến	Nhi	Nữ	02/12/2004	Gia Lai	90	7,17	Khá
7	2123190060	Bùi Thị Thảo	Sương	Nữ	17/08/2005	Đồng Tháp	90	7,65	Khá
8	2123190115	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	24/05/2005	Đồng Nai	90	6,48	Khá
9	2123190112	Lê Thị	Thương	Nữ	06/07/2005	Đồng Nai	90	6,80	Khá
10	2123190102	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	23/05/2005	Đồng Nai	90	6,75	Khá
11	2123190047	Đào Thị Thu	Thủy	Nữ	03/07/2005	Lâm Đồng	90	7,52	Khá
12	2123190111	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	06/11/2005	Đồng Nai	90	6,93	Khá
13	2123190050	Nguyễn Lê Ánh	Trúc	Nữ	30/12/2005	Tây Ninh	90	7,00	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng C

1	2122190098	Trương Văn	Tánh	Nam	31/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	96	6,45	Khá
2	2122190095	Trần Kiều	Trình	Nữ	21/12/2002	Cà Mau	95	7,24	Khá
3	2123190092	Trương Thị Hồng	Bích	Nữ	02/09/2005	Đồng Tháp	90	7,62	Khá
4	2123190107	Phan Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/06/2005	Tây Ninh	90	7,37	Khá
5	2123190086	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	18/12/2005	Đồng Tháp	90	6,55	Khá
6	2123190079	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	26/08/2004	Thành phố Cần Thơ	90	6,42	Khá
7	2123190104	Võ Ngọc Cẩm	Tiên	Nữ	02/05/2005	Đồng Tháp	91	7,78	Khá
8	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	Nữ	18/08/2005	Gia Lai	90	7,71	Khá
9	2123190073	Lê Thị Như	Ý	Nữ	22/07/2005	Gia Lai	90	7,02	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng CLC

1	2121190064	Trần Thảo	My	Nữ	22/01/2003	Đồng Nai	96	6,66	Khá
---	------------	-----------	----	----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Tài chính - Ngân hàng D

1	2121190139	Ngô Đức	Quân	Nam	07/08/2003	Đồng Nai	95	7,43	Khá
2	2122190162	Châu Nữ Yến	Ly	Nữ	30/08/2004	Khánh Hòa	95	6,71	Khá
3	2122190115	Trần Phước	Tây	Nam	17/09/1998	Đồng Nai	95	6,90	Khá

Tiếng Anh

Lớp: Tiếng Anh A

1	2121240011	Võ Thị Bích	Phượng	Nữ	25/02/2003	Gia Lai	95	6,18	Trung bình
2	2122240017	Trần Ngọc	Hân	Nữ	04/03/2004	Đồng Tháp	95	6,91	Khá
3	2122240025	Mai Ngọc Ý	Nhi	Nữ	19/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,23	Khá
4	2123240009	Bá Thị Mỹ	Dáng	Nữ	16/08/2000	Khánh Hòa	90	8,89	Giỏi
5	2123240010	Nguyễn Ngọc Phương	Như	Nữ	11/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,38	Khá
6	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	14/09/2003	Đắk Lắk	90	8,96	Giỏi

Lớp: Tiếng Anh B

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2120240033	Đình Hương	Giang	Nữ	02/12/2001	Đồng Nai	92	8,23	Khá
2	2121240050	Trần Ngọc Phương	Anh	Nữ	17/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,70	Khá
3	2122240040	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	12/01/2004	Đồng Tháp	95	7,50	Khá
4	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh	Anh	Nam	25/09/2005	Đồng Nai	90	8,52	Giỏi
5	2123240194	Trần Thùy	Dung	Nữ	04/10/2005	Đồng Nai	90	8,42	Giỏi
6	2123240161	Giáp Thị Thanh	Huyền	Nữ	06/12/2005	Gia Lai	90	7,50	Khá

Lớp: Tiếng Anh C

1	2120240210	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	Nữ	09/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	92	7,59	Khá
2	2122240067	Võ Thị Ánh	Nga	Nữ	25/01/2004	Đắk Lắk	95	6,96	Khá
3	2122240089	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	10/02/2004	Đồng Nai	95	7,59	Khá
4	2122240069	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	Nữ	04/10/2003	Vĩnh Long	95	8,84	Giỏi
5	2123240069	Nguyễn Thị Bích	Như	Nữ	28/10/2005	Gia Lai	90	8,07	Giỏi

Lớp: Tiếng Anh chất lượng cao

1	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	Như	Nữ	08/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	99	7,97	Khá
2	2122240124	Huỳnh Thị Bích	Vy	Nữ	26/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	99	6,61	Khá

Lớp: Tiếng Anh D

1	2121240101	Nguyễn Phan Minh	Thư	Nữ	16/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,97	Khá
2	2122240106	Bùi Thị Trúc	Linh	Nữ	11/09/2004	Đồng Nai	95	7,54	Khá
3	2122240103	Phan Vũ	Thành	Nam	20/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,51	Khá
4	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	My	Nữ	07/10/2003	Tây Ninh	90	7,98	Khá
5	2123240107	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	10/02/2004	Tây Ninh	90	7,87	Khá
6	2123240115	Lưu Thị	Quỳnh	Nữ	20/09/2002	Hà Tĩnh	90	7,17	Khá
7	2123240109	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	04/04/2005	Khánh Hòa	90	7,35	Khá

Lớp: Tiếng Anh E

1	2120240122	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/10/2002	Gia Lai	92	7,71	Khá
2	2120240129	Võ Thị Thanh	Ly	Nữ	26/08/2002	Gia Lai	92	7,28	Khá
3	2120240148	Huỳnh Ngọc Khả	Tú	Nữ	27/01/2002	Đồng Tháp	92	6,63	Khá
4	2122240164	Phạm Gia Kỳ	Hương	Nữ	27/06/2004	Lâm Đồng	95	6,25	Khá
5	2122240140	Võ Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	13/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,64	Khá
6	2122240121	Trần Đặng Mai	Phương	Nữ	11/10/2002	Cà Mau	95	6,95	Khá
7	2122240138	Hồ Phương	Thảo	Nữ	01/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,59	Khá
8	2122240145	Phạm Yến	Vy	Nữ	05/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,06	Khá
9	2122240120	Trần Hải	Yến	Nữ	19/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,63	Khá
10	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	Nữ	24/07/2005	Gia Lai	90	7,11	Khá
11	2123240157	Võ Thị Như	Ngọc	Nữ	10/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,83	Khá
12	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	27/06/2005	Nghệ An	90	8,33	Giỏi
13	2123240151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,83	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Tiếng Anh F									
1	2120240167	Võ Thị Phương	Thúy	Nữ	12/08/2002	Quảng Ngãi	92	6,51	Khá
2	2121240175	Võ Thị Thu	Hiền	Nữ	17/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,22	Khá
3	2121240166	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	09/12/2003	Lâm Đồng	95	6,55	Khá
4	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	05/01/2004	Lâm Đồng	95	7,41	Khá
5	2122240173	Hồ Thị Xuân	Thùy	Nữ	02/10/2004	Đồng Nai	95	7,78	Khá
6	2122240195	Thái Kim Phương	Uyên	Nữ	27/10/2004	Lâm Đồng	95	7,98	Khá
7	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	Nữ	25/06/2005	Lâm Đồng	90	8,02	Giỏi
8	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	22/11/2005	Đồng Nai	90	8,63	Giỏi
9	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,10	Giỏi
10	2123240185	Vũ Minh	Thư	Nữ	16/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,58	Khá
11	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	Nữ	20/05/2005	Khánh Hòa	90	8,78	Giỏi
Lớp: Tiếng Anh G									
1	2120050046	Hồ Hoàng	Khanh	Nam	12/02/2002	Đồng Nai	92	7,41	Khá
Lớp: Tiếng Anh H									
1	2120240232	Nguyễn Thị Hoài	Giang	Nữ	16/10/1999	Nghệ An	92	7,63	Khá
Quản trị kinh doanh									
Lớp: Quản trị KD tổng hợp A									
1	2123120039	Phan	Dương	Nam	18/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,74	Khá
2	2123120030	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	26/02/2005	Quảng Ngãi	90	6,60	Khá
3	2123120006	Lê Thị Giáng	My	Nữ	13/09/2005	Đồng Tháp	90	7,18	Khá
4	2123120042	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	24/05/2005	Gia Lai	90	7,78	Khá
5	2123120045	Dương Thị Phượng	Nga	Nữ	16/07/2005	Đồng Tháp	90	7,27	Khá
6	2123120043	Nguyễn Ngọc Thanh	Son	Nam	09/02/2005	Tây Ninh	90	7,02	Khá
7	2123120028	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	01/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,95	Khá
8	2123120021	Thái Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/06/2005	Gia Lai	90	6,52	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp B									
1	2122120066	Trần Thị Bích	Ngân	Nữ	28/07/2004	Lâm Đồng	95	6,63	Khá
2	2123120099	Nguyễn Minh	An	Nam	22/02/2005	Vĩnh Long	90	6,73	Khá
3	2123120096	Lê Quang	Nhân	Nam	31/05/2005	Quảng Trị	90	7,63	Khá
4	2123120084	Trần Duy	Thắng	Nam	22/03/2003	Khánh Hòa	90	7,10	Khá
5	2123120083	Bùi Thị	Thủy	Nữ	20/10/2003	Khánh Hòa	90	7,25	Khá
6	2123120074	Trần Ngọc	Xuyến	Nữ	11/10/2005	Lâm Đồng	90	6,88	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp C									
1	2121120074	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	07/11/2003	Đồng Tháp	96	6,64	Khá
2	2121120652	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	26/01/2001	Gia Lai	95	7,32	Khá
3	2122120072	Trần Thị Hồng	Phượng	Nữ	30/08/2004	An Giang	96	6,70	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2122120481	Vô Thị Kim	Thuận	Nữ	19/11/2003	Lâm Đồng	95	6,96	Khá
5	2123120124	Trương Thị	Duy	Nữ	25/09/2005	Cà Mau	90	6,88	Khá
6	2123120141	Đào Thị Ngọc	Hà	Nữ	27/12/2005	Gia Lai	91	6,92	Khá
7	2123120126	Nguyễn Kiều	Hân	Nữ	28/07/2000	Vĩnh Long	90	6,60	Khá
8	2123120148	Nguyễn Ngọc Đoan	Khanh	Nữ	29/06/2005	Đồng Tháp	90	6,96	Khá
9	2123120105	Nguyễn Khánh	My	Nữ	18/08/2005	Khánh Hòa	90	6,55	Khá
10	2123120172	Phạm Thị Kim	Ngọc	Nữ	19/07/2005	Đồng Nai	90	6,78	Khá
11	2123120104	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	24/10/2005	Đồng Nai	90	7,59	Khá
12	2123120109	Triệu Võ Anh	Thi	Nữ	20/04/2005	Lâm Đồng	90	7,00	Khá
13	2123120134	Nguyễn Hồ Bảo	Trần	Nữ	19/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	91	6,85	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp D

1	2122120118	Trần Đức Quốc Thanh	Bình	Nam	20/12/2004	Lâm Đồng	95	6,23	Trung bình
2	2122120138	Trịnh Công	Cường	Nam	29/04/2001	Quảng Ngãi	95	6,64	Khá
3	2122120121	Hồ Thị Diễm	Hương	Nữ	21/07/2004	Đồng Tháp	95	6,40	Khá
4	2122120119	Phạm Minh	Nguyên	Nam	10/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,95	Khá
5	2122120112	Phan Ngọc Thành	Nhân	Nam	25/03/2004	Lâm Đồng	97	6,99	Khá
6	2123120199	Hồ Tuyết	Anh	Nữ	26/03/2005	Đồng Nai	90	6,39	Khá
7	2123120215	Bùi Hoàng Yến	Nhi	Nữ	31/10/2005	Đồng Nai	90	6,75	Khá
8	2123120197	Trương Huỳnh Bảo	Trâm	Nữ	02/10/2005	Đồng Tháp	90	7,37	Khá
9	2123120214	Lửa Nông Minh	Triều	Nam	07/01/2005	Đồng Nai	90	7,51	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp E

1	2122120158	Đinh Nguyễn Tấn	Nhật	Nam	30/03/2004	Đắk Lắk	97	6,98	Khá
2	2123120246	Hoàng Lê Hồng	Diễm	Nữ	15/10/2005	Lâm Đồng	90	7,22	Khá
3	2123120576	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	09/01/2005	Lâm Đồng	90	7,17	Khá
4	2123120326	Phạm Anh	Dũng	Nam	13/03/2005	Đắk Lắk	90	6,54	Khá
5	2123120249	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	21/06/2005	Lâm Đồng	90	7,17	Khá
6	2123120226	Trần Đình Khánh	Huyền	Nữ	28/06/2005	Đắk Lắk	91	6,58	Khá
7	2123120273	Huỳnh Thị Uyển	Nhi	Nữ	29/12/2005	Đắk Lắk	90	6,90	Khá
8	2123120234	Hồ Hải	Nhung	Nữ	22/11/2003	Đồng Nai	90	7,93	Khá
9	2123120277	Trần Như	Quỳnh	Nữ	14/10/2005	An Giang	90	6,65	Khá
10	2123120247	Cao Thị Hồng	Tú	Nữ	20/07/2002	Đắk Lắk	90	8,79	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp F

1	2123120292	Trần Công	Bảo	Nam	13/09/2004	Đồng Nai	90	7,52	Khá
2	2123120294	Lê Mậu	Thương	Nam	03/09/2005	Đắk Lắk	90	6,60	Khá
3	2123120333	Lê Thị Huyền	Trần	Nữ	21/02/2005	Đồng Tháp	90	7,75	Khá
4	2123120306	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	90	8,83	Giỏi
5	2123120302	Đinh Huỳnh Như	Ý	Nữ	27/06/2005	Gia Lai	90	7,05	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị KD tổng hợp G									
1	2123120351	Trần Tiến	Đạt	Nam	04/06/2005	Thanh Hóa	93	6,13	Trung bình
2	2123120395	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	23/06/2005	An Giang	92	6,46	Khá
3	2123120360	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	28/10/2005	Đồng Nai	92	6,61	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp H									
1	2121120249	Phạm Thị Mai	Liên	Nữ	09/03/2002	Vĩnh Long	95	6,44	Khá
2	2121120270	Nguyễn Ý	Thương	Nữ	14/10/2003	Lâm Đồng	95	6,25	Khá
3	2123120424	Phạm Thành	Lộc	Nam	14/07/2003	Đắk Lắk	92	7,46	Khá
4	2123120438	Nguyễn Sỹ	Luân	Nam	06/07/2005	Đắk Lắk	92	7,34	Khá
5	2123120422	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	Nữ	01/08/2005	Quảng Ngãi	92	6,40	Khá
6	2123120450	Trần Lệ	Nhi	Nữ	13/09/2005	Gia Lai	92	6,75	Khá
7	2123120410	Vi Thị Thuỳ	Trang	Nữ	25/12/2005	Lâm Đồng	92	6,63	Khá
8	2123120435	Lê Anh	Tuấn	Nam	30/06/2004	Đắk Lắk	92	6,68	Khá
9	2123120460	Đoàn Thị Hồng	Xoan	Nữ	18/01/2004	Thanh phố Hồ Chí Minh	92	7,09	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp I									
1	2122120300	Trần Thị Thu	Huệ	Nữ	12/08/2004	Đắk Lắk	95	6,62	Khá
2	2123120469	Nông Thị Quế	Anh	Nữ	26/03/2004	Đồng Nai	90	8,19	Giỏi
3	2123120517	Nguyễn Hữu	Khải	Nam	26/12/2005	Đắk Lắk	90	7,35	Khá
4	2123120529	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	05/04/2005	Khánh Hòa	90	6,91	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp J									
1	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	Nữ	16/05/2003	Lâm Đồng	95	6,76	Khá
2	2122120337	Lê Thị	Hà	Nữ	25/01/2004	Gia Lai	95	7,36	Khá
3	2122120323	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	06/12/2003	Lâm Đồng	95	6,27	Khá
4	2122120328	Kiều Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/01/2004	Vĩnh Long	95	7,32	Khá
5	2122120335	Lê Ngọc Kiều	Vy	Nữ	07/12/2004	Tây Ninh	95	6,58	Khá
6	2122120340	Nguyễn Thị Triệu	Vy	Nữ	11/09/2004	Vĩnh Long	95	6,56	Khá
7	2123120603	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	13/12/2005	An Giang	90	7,69	Khá
8	2123120602	Hoàng Thị Hồng	Hiệp	Nữ	28/05/2005	Lâm Đồng	90	7,14	Khá
9	2123120600	Bùi Thanh	Khải	Nam	02/01/2005	Đồng Tháp	90	8,63	Giỏi
10	2123120589	Lý Lê Tài	Lộc	Nam	01/04/2005	Thanh phố Hồ Chí Minh	90	7,39	Khá
11	2123120601	Nguyễn Huỳnh Lệ	Ngà	Nữ	09/03/2005	Tây Ninh	90	6,67	Khá
12	2123120593	Phạm Hà Thảo	Ngân	Nữ	20/06/2005	Vĩnh Long	90	7,22	Khá
13	2123120596	Đàm Thị Quỳnh	Thư	Nữ	23/10/2005	Thanh Hóa	90	7,05	Khá
14	2123120580	Trương Kim	Thư	Nữ	02/01/2005	Lâm Đồng	90	7,61	Khá
15	2123120599	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/08/2005	Đồng Tháp	90	8,40	Giỏi
Lớp: Quản trị KD tổng hợp K									
1	2122120359	Đặng Văn	Đạt	Nam	16/02/2004	Gia Lai	95	6,24	Trung bình

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122120353	Đoàn Thị Hàn	Ni	Nữ	19/01/2004	Đồng Nai	96	6,58	Khá
3	2123120627	Võ Thái Hải	Anh	Nam	02/12/2004	Hưng Yên	90	7,85	Khá
4	2123120623	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	Nam	15/09/2005	Vĩnh Long	90	7,39	Khá
5	2123120649	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	26/01/2005	Thành phố Huế	90	7,61	Khá
6	2123120618	Đoàn Trần Ngọc	Phương	Nữ	25/08/2005	Đồng Nai	90	7,48	Khá
7	2123120629	Phùng Thị	Thủy	Nữ	22/05/2005	Đồng Nai	90	7,44	Khá
8	2123120658	Võ Thanh	Tuyền	Nữ	29/06/2005	Đồng Tháp	90	7,88	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp L

1	2121120410	Đặng Hữu	Linh	Nam	01/09/2003	Đắk Lắk	95	6,50	Khá
2	2122120397	Đặng Thanh	Bình	Nam	21/06/2003	Đắk Lắk	96	6,96	Khá
3	2122120377	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	18/08/2004	Hà Tĩnh	95	6,75	Khá
4	2122120380	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	21/09/2003	Đồng Tháp	97	7,31	Khá
5	2122120408	Phạm Minh	Thư	Nữ	12/05/2004	Vĩnh Long	95	6,99	Khá
6	2122120389	Cao Thị Mỹ	Tuyền	Nữ	08/09/2004	Đồng Nai	95	6,81	Khá
7	2123100192	Huỳnh Thị Hồng	Yến	Nữ	14/10/2005	Quảng Ngãi	90	6,37	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp M

1	2121120453	Nguyễn Trần	Thắng	Nam	20/01/2003	Gia Lai	96	6,82	Khá
2	2122120509	Đỗ Duy	Khang	Nam	20/08/2004	Đồng Tháp	95	6,37	Khá
3	2122120447	Huỳnh Ngọc	Nhi	Nữ	29/07/2004	Đắk Lắk	95	6,78	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp P

1	2122120586	Nguyễn Thừa	Ân	Nam	05/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	95	6,97	Khá
2	2122120571	Lê Kim	Bích	Nữ	03/10/2004	Đắk Lắk	95	7,36	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp Q

1	2121120579	Nguyễn Hữu Chí	Khang	Nam	21/06/2003	Tây Ninh	95	6,90	Khá
---	------------	----------------	-------	-----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp F

1	2120120652	Nguyễn Thanh	Hòa	Nam	10/01/2002	Đắk Lắk	82	7,03	Khá
---	------------	--------------	-----	-----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp M

1	2120120441	Trà Lê Phương	Thảo	Nữ	09/11/2002	Gia Lai	82	7,48	Khá
---	------------	---------------	------	----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu A

1	2122120366	Trần Thị	Hằng	Nữ	27/10/2004	Đắk Lắk	95	6,77	Khá
2	2123200053	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/06/2005	Gia Lai	90	6,95	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu B

1	2122200058	Đoàn Thị Thùy	Dương	Nữ	30/10/2002	Quảng Ngãi	95	6,81	Khá
2	2122200053	Đặng Nguyễn Xuân	Nhi	Nữ	05/02/2004	Lâm Đồng	96	7,22	Khá
3	2123200720	Văn Thị Thanh	Trà	Nữ	24/07/2005	Gia Lai	90	7,12	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu C

1	2122200081	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trang	Nữ	19/06/2004	Khánh Hòa	96	7,50	Khá
---	------------	------------------	-------	----	------------	-----------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2123200280	Nguyễn Thành	Giang	Nam	23/09/2004	Gia Lai	90	6,52	Khá
3	2123200248	Phạm Thị Hà	Giang	Nữ	05/04/2005	Gia Lai	90	7,37	Khá
4	2123200283	Lê Hoàng Bảo	Hà	Nữ	16/06/2005	Gia Lai	91	6,09	Trung bình
5	2123200238	Võ Thị Mỹ	Lê	Nữ	04/01/2005	Gia Lai	90	7,07	Khá
6	2123200282	Trần Thị Thanh	Nguyên	Nữ	16/05/2004	Đắk Lắk	90	6,55	Khá
7	2123200267	Hà Thị Mỹ	Như	Nữ	07/01/2005	Gia Lai	90	6,46	Khá
8	2123200202	Đặng Thị Bích	Phượng	Nữ	10/11/2005	Gia Lai	90	7,20	Khá
9	2123200236	Bùi Anh	Thư	Nữ	26/11/2005	Quảng Ngãi	90	6,97	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu CLC

1	2122200170	Nguyễn Lan Ánh	Dương	Nữ	11/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,75	Khá
---	------------	----------------	-------	----	------------	-----------------------	----	------	-----

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu D

1	2119200105	Đặng Quang	Công	Nam	20/09/2001	Lâm Đồng	82	7,15	Khá
2	2119200113	Cao Thị	Hiếu	Nữ	04/01/2001	Lâm Đồng	82	6,55	Khá
3	2122200112	Nguyễn Thị Kim	Ánh	Nữ	03/07/2003	Gia Lai	96	6,84	Khá
4	2122200129	Ngô Hoàng Gia	Khang	Nam	30/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	97	6,63	Khá
5	2122200122	Nguyễn Thị Ánh	Sương	Nữ	01/01/2004	Gia Lai	95	6,87	Khá
6	2123200337	Bùi Bảo	Đa	Nữ	28/11/2005	Gia Lai	90	6,69	Khá
7	2123200380	Hồ Võ Khánh	Nguyên	Nữ	27/02/2005	Gia Lai	90	7,03	Khá
8	2123200372	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	01/08/2005	Gia Lai	90	7,16	Khá
9	2123200330	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	05/10/2005	Gia Lai	90	7,43	Khá
10	2123200516	Nguyễn Thị Mỹ	Phong	Nữ	26/01/2005	Đắk Lắk	90	7,21	Khá
11	2123200322	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	08/12/2005	Quảng Ngãi	90	6,74	Khá
12	2123200356	Dương Thị Cẩm	Tiên	Nữ	16/11/2005	Gia Lai	90	7,23	Khá
13	2123200375	Bùi Thị Tường	Vy	Nữ	22/12/2005	Gia Lai	90	7,33	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu E

1	2119200149	Huỳnh Thúc	Lộc	Nam	24/10/2001	Gia Lai	82	6,35	Khá
2	2123200411	Lê Thị Việt	Kiều	Nữ	26/02/2005	Đồng Nai	90	6,20	Trung bình
3	2123200448	Ngô Thị Mỹ	Lê	Nữ	16/02/2005	Gia Lai	90	6,89	Khá
4	2123200419	Hồ Nhã	Linh	Nữ	20/08/2005	Khánh Hòa	90	7,25	Khá
5	2123200423	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	31/07/2005	Gia Lai	90	6,83	Khá
6	2123200416	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/03/2005	Gia Lai	90	6,84	Khá
7	2123200437	Đặng Thị Kiều	Trinh	Nữ	22/09/2005	Lâm Đồng	90	6,78	Khá
8	2123200405	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	16/04/2005	Quảng Ngãi	90	6,84	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu F

1	2122200213	Nguyễn Trúc	Quyên	Nữ	21/08/2004	Khánh Hòa	96	7,73	Khá
2	2123200543	Huỳnh Kiều	Linh	Nữ	31/10/2005	Đắk Lắk	90	7,02	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu G

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2122200241	Hồ Đặng Văn	Anh	Nữ	10/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,14	Khá
2	2122200235	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	05/09/2002	Gia Lai	95	7,22	Khá
3	2122200232	Phan Thị Thúy	Như	Nữ	14/05/2004	Gia Lai	95	8,10	Giỏi
4	2122200231	Nguyễn Văn	Thần	Nam	19/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	95	7,32	Khá
5	2122200065	Lê Đào Xuân	Tiên	Nữ	12/02/2002	Lâm Đồng	95	6,79	Khá
6	2123200619	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	20/06/2005	Đồng Nai	90	6,85	Khá
7	2123200656	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	17/01/2005	Gia Lai	90	8,13	Giỏi
8	2123200637	Lê Thị Mỹ	Hoài	Nữ	17/11/2005	Lâm Đồng	91	6,50	Khá
9	2123200592	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	07/12/2005	Gia Lai	90	7,57	Khá
10	2123200587	Trần Thị Thanh	Mại	Nữ	10/09/2005	Lâm Đồng	90	7,08	Khá
11	2123200644	Phan Nguyễn Quỳnh	Nhi	Nữ	05/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	6,31	Khá
12	2123200628	Huỳnh Nguyên	Quốc	Nam	11/05/2005	Đắk Lắk	90	7,09	Khá
13	2123200634	Huỳnh Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	25/08/2005	Quảng Ngãi	90	7,23	Khá
14	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	Nam	15/01/2005	Gia Lai	90	8,17	Giỏi

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu J

1	2120200319	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	26/06/2002	Đồng Tháp	82	6,71	Khá
---	------------	----------------	-----	----	------------	-----------	----	------	-----

Thương mại điện tử

Lớp: Thương mại điện tử A

1	2123310014	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	24/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,36	Khá
2	2123310031	Hồ Đình	Huy	Nam	29/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,57	Khá
3	2123310039	Huỳnh Nhật	Kiên	Nam	14/05/1998	Đắk Lắk	90	7,95	Khá
4	2123310007	Lai Hoàng Kiều	Mi	Nữ	22/10/2004	Đồng Tháp	90	7,07	Khá
5	2123310055	Phan Trường	Thịnh	Nam	29/11/2002	Vĩnh Long	90	8,07	Giỏi
6	2123310008	Trịnh Lê Uyên	Thy	Nữ	10/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	90	7,33	Khá
7	2123310016	Võ Thị Mỹ	Vàng	Nữ	17/03/2000	Đồng Tháp	90	7,27	Khá

Danh sách có 1068 sinh viên